

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Ngọc Oanh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Ngọc Oanh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Ngọc Oanh

Mã SV: 1112401168

Lớp: QT1502K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH
Thương mại Sao Mai

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....
.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1. Khái quát công tác kế toán vốn bằng tiền	3
1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền	3
1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền.....	4
1.1.3. Vai trò và nhiệm vụ của vốn bằng tiền	4
1.1.4. Yêu cầu quản lí vốn bằng tiền mặt.....	5
1.1.5. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.....	5
1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp	6
1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt.....	6
1.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng hạch toán tiền mặt tại quỹ.....	7
1.2.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ	10
1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng	18
1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng.....	18
1.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	20
1.3.3. Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng	21
1.4. Kế toán tiền đang chuyển.....	27
1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển	27
1.4.2. Chứng từ sử dụng.....	28
1.4.3. Tài khoản sử dụng	28
1.4.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển.....	29
1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền	30
1.5.1. Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.....	31
1.5.2. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.....	32
1.5.3. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Sổ cái	34
1.5.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ	35
1.5.5. Hình thức kế toán máy	36
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI	38
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Sao Mai	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	38

2.1.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh tại công ty.....	38
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn.....	38
2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kế toán tại công ty	39
2.1.5. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	42
2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.....	46
2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.	47
2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng của công ty TNHH Thương Mại Sao Mai...	66
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI	83
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.	83
3.1.1. Ưu điểm.....	83
3.1.2. Nhược điểm.....	85
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại ty TNHH Thương Mại Sao Mai.	86
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền.....	86
3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.	87
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai	87

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Công tác hạch toán vốn bằng tiền cho ta thấy được số vốn bằng tiền hiện có của doanh nghiệp cũng như tình hình biến động, tăng giảm các loại vốn. Giúp cho nhà quản trị cũng như nhà quản lí của đơn vị dễ dàng đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn, các biện pháp sử dụng vốn phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sử dụng vốn để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Do đó, việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng có một ý nghĩa quan trọng.

Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua một thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai em đã đi sâu vào tìm hiểu và xin chọn đề tài nghiên cứu và viết khóa luận: **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai”**.

Nội dung gồm ba chương:

Chương 1 : Lý luận chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Trong suốt quá trình tìm hiểu, nghiên cứu học tập để viết khóa luận, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các bác trong ban lãnh đạo, các anh chị

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

trong phòng kế toán của công ty TNHH Thương Mại Sao Mai cùng sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo ThS.Trần Thị Thanh Thảo để giúp em hoàn thành tốt bài khóa luận. Tuy nhiên do kiến thức còn hạn chế, thời gian thực tập tìm hiểu có hạn nên không tránh khỏi còn nhiều thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các cán bộ kế toán của công ty và các thầy cô giáo trong khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

Sinh viên

CHƯƠNG 1

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TRONG DOANH NGHIỆP**

1.1. Khái quát công tác kế toán vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao nhất, bao gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ở các ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các khoản tiền đang chuyển. Với tính lưu hoạt cao – vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí.

Phân loại:

- Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền được phân chia thành:

+ Tiền Việt Nam: là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc và đồng xu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Ngoại tệ: là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam như: đồng Đô la Mỹ(USD), đồng tiền chung Châu Âu(EURO), đồng yên Nhật(JPY)...

+ Vàng bạc, kim khí, đá quý: là loại tiền thực chất, tuy nhiên loại tiền này không có khả năng thanh khoản cao. Nó được sử dụng chủ yếu vì mục đích cất trữ. Mục tiêu đảm bảo một lượng dự trữ an toàn trong nền kinh tế hơn là vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

- Theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm các khoản sau:

+ Vốn bằng tiền được bảo quản tại quỹ của doanh nghiệp gọi là tiền mặt.

+ Tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tài chính, kho bạc Nhà nước gọi chung là tiền gửi ngân hàng.

+ Tiền đang chuyển: là tiền trong quá trình trao đổi mua bán với khách hàng và nhà cung cấp.

1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, là kết quả của việc mua bán hay thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chặng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

1.1.3. Vai trò và nhiệm vụ của vốn bằng tiền

1.1.3.1. Vai trò

Trong quá trình sản xuất kinh doanh Vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là cũng là những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Vì thế, Vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Việc quản lý, sử dụng vốn bằng tiền là một khâu quan trọng nhất trong doanh nghiệp mà kế toán là công cụ hiệu quả nhất. Do vậy kế toán cần thu thập thường xuyên, liên tục xử lý kiểm tra, phân tích, cung cấp thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp nhằm kịp thời đưa ra các quyết định đúng đắn.

1.1.3.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò dụng cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các

loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

1.1.4. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền mặt

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ.

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.5. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành.

Cụ thể:

1) Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

2) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn

sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3) Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất của từng thứ từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán), khi tính giá xuất Vàng, bạc, kim khí, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp

1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt

a) Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ và Vàng, bạc, kim khí, đá quý. Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý thực tế nhập, xuất, tồn quỹ. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

b) Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

c) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người có thẩm quyền cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

d) Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

e) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

f) Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1112 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút ngoại tệ từ ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt thì áp dụng tỷ giá ghi sổ kế toán của TK 1122;

- Bên Có TK 1112 áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

g) Vàng, bạc, kim khí, đá quý được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng Vàng, bạc, kim khí, đá quý phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

h) Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và Vàng, bạc, kim khí, đá quý theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Vàng, bạc, kim khí, đá quý được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng hạch toán tiền mặt tại quỹ

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

Nhằm theo dõi tình hình thu, chi, tồn quỹ các loại tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.... và các khoản tạm ứng, thanh toán tạm ứng của đơn

vị, cung cấp những thông tin cần thiết cho kế toán và người quản lý của đơn vị trong lĩnh vực tiền tệ.

Việc thu, chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu, chi, lệnh này phải có chữ ký của Giám đốc (hoặc người có uỷ quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi.

- Phiếu thu
- Phiếu chi

Phiếu thu, phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên (đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu quy định - Mẫu số 01-TT, 02-TT, sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên vào phiếu, kế toán chuyển cho kế toán trưởng soát xét và Giám đốc ký duyệt.

- + Liên 1: Được lưu tại nơi lập phiếu.
- + Liên 2: Giao cho người nộp tiền, người nhận tiền.
- + Liên 3: Thủ quỹ dùng để ghi vào sổ quỹ và chuyển cho kế toán vốn bằng tiền cùng với các chứng từ gốc để vào sổ kế toán.

Trường hợp liên phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp phải đóng dấu. Nếu là thu ngoại tệ thì phải ghi rõ tỷ giá tại thời điểm nhập quỹ để tính ra tổng số tiền theo đơn vị đồng để ghi sổ. Nếu là chi ngoại tệ thì phải ghi rõ tỷ giá tại thời điểm xuất quỹ để tính ra tổng số tiền theo đơn vị đồng để ghi sổ. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành quyển, phải ghi số từng quyển dùng trong một năm, trong mỗi phiếu thu, phiếu chi số của từng phiếu thu, phiếu chi phải được đánh số liên tục trong một kỳ kế toán.

Ngoài phiếu thu, phiếu chi, căn cứ để hạch toán vào tài khoản 111 còn các chứng từ gốc liên quan kèm theo cùng phiếu thu, phiếu chi như:

- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 – TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 – TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí quý, đá quý (Mẫu số 07 – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ - dùng cho Việt Nam Đồng (Mẫu số 08a – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ - dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý (Mẫu số 08b – TT)
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 – TT)

Các chứng từ sau khi đã kiểm tra đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ thì sẽ được ghi chép, phản ánh vào các sổ kế toán liên quan:

- + Sổ quỹ tiền mặt
- + Các sổ kế toán tổng hợp
- + Sổ kế toán chi tiết liên quan đến từng ngoại tệ, vàng bạc cả về số lượng và giá trị.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Hạch toán tiền mặt được sử dụng trên tài khoản 111 - Tiền mặt

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam);
- Chênh lệch đánh giá lại Vàng, bạc, kim khí, đá quý tăng tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý thiếu hụt quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam);
- Chênh lệch đánh giá lại Vàng, bạc, kim khí, đá quý giảm tại thời điểm báo cáo.

Số Dư Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt tại thời điểm báo cáo. Tài khoản 111 – “ Tiền mặt” có 3 tài khoản cấp 2:
 - + TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi tồn quỹ Tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt
 - + TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam
 - + TK1113 - Vàng, bạc, kim khí, đá quý: Phản ánh tình hình biến động và giá trị Vàng, bạc, kim khí, đá quý tại quỹ của doanh nghiệp.

Cơ sở pháp lý để ghi Nợ TK 111 là các phiếu thu, để ghi có TK 111 là các phiếu chi.

1.2.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.4.1. Kế toán tiền mặt là Tiền Việt Nam

1. Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ thu ngay bằng tiền mặt, kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

a) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế (gián thu) phải nộp này được tách riêng theo từng loại ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

2. Khi nhận được tiền của Ngân sách Nhà nước thanh toán về khoản trợ cấp, trợ giá bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3339).

3. Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (tổng giá thanh toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 - Thu nhập khác (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

4. Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt; vay dài hạn, ngắn hạn bằng tiền mặt (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế), ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122)

Có TK 311, 341 – Vay và nợ thuê tài chính (3411).

5. Thu hồi các khoản nợ phải thu, cho vay, ký cược, ký quỹ bằng tiền mặt; Nhận ký quỹ, ký cược của các doanh nghiệp khác bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1111, 1112)

Có các TK 128, 131, 136, 138, 141, 244, 344.

6. Khi bán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn thu bằng tiền mặt, kế toán ghi nhận chênh lệch giữa số tiền thu được và giá vốn khoản đầu tư (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền) vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1111, 1112)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 121 - Chứng khoán kinh doanh (giá vốn)

Có các TK 221, 222, 228 (giá vốn)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

7. Khi nhận được vốn góp của chủ sở hữu bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

8. Khi nhận tiền của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân để trang trải cho các hoạt động chung, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác.

9. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng, ký quỹ, ký cược, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 244 - Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

Có TK 111 - Tiền mặt.

10. Xuất quỹ tiền mặt mua chứng khoán, cho vay hoặc đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết..., ghi:

Nợ TK 121, 128, 221, 222, 228,...

Có TK 111 - Tiền mặt.

11. Xuất quỹ tiền mặt mua hàng tồn kho (theo phương pháp kê khai thường xuyên), mua TSCĐ, chi cho hoạt động đầu tư XDCCB:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua không bao gồm thuế GTGT, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 - Tiền mặt.

- Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua bao gồm cả thuế GTGT. 1

12. Xuất quỹ tiền mặt mua hàng tồn kho (theo phương pháp kiểm kê định kỳ), nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (6111, 6112)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 - Tiền mặt.

Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua bao gồm cả thuế GTGT.

13. Khi mua nguyên vật liệu thanh toán bằng tiền mặt sử dụng ngay vào sản xuất, kinh doanh, nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 621, 623, 627, 642,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 - Tiền mặt.

Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, kế toán phản ánh chi phí bao gồm cả thuế GTGT.

14. Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản vay, nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 331, 333, 334, 335, 336, 338, 341

Có TK 111 - Tiền mặt.

15. Xuất quỹ tiền mặt sử dụng cho hoạt động tài chính, hoạt động khác, ghi:

Nợ các TK 635, 811,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111 - Tiền mặt.

16. Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381)

Có TK 111 - Tiền mặt.

17. Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

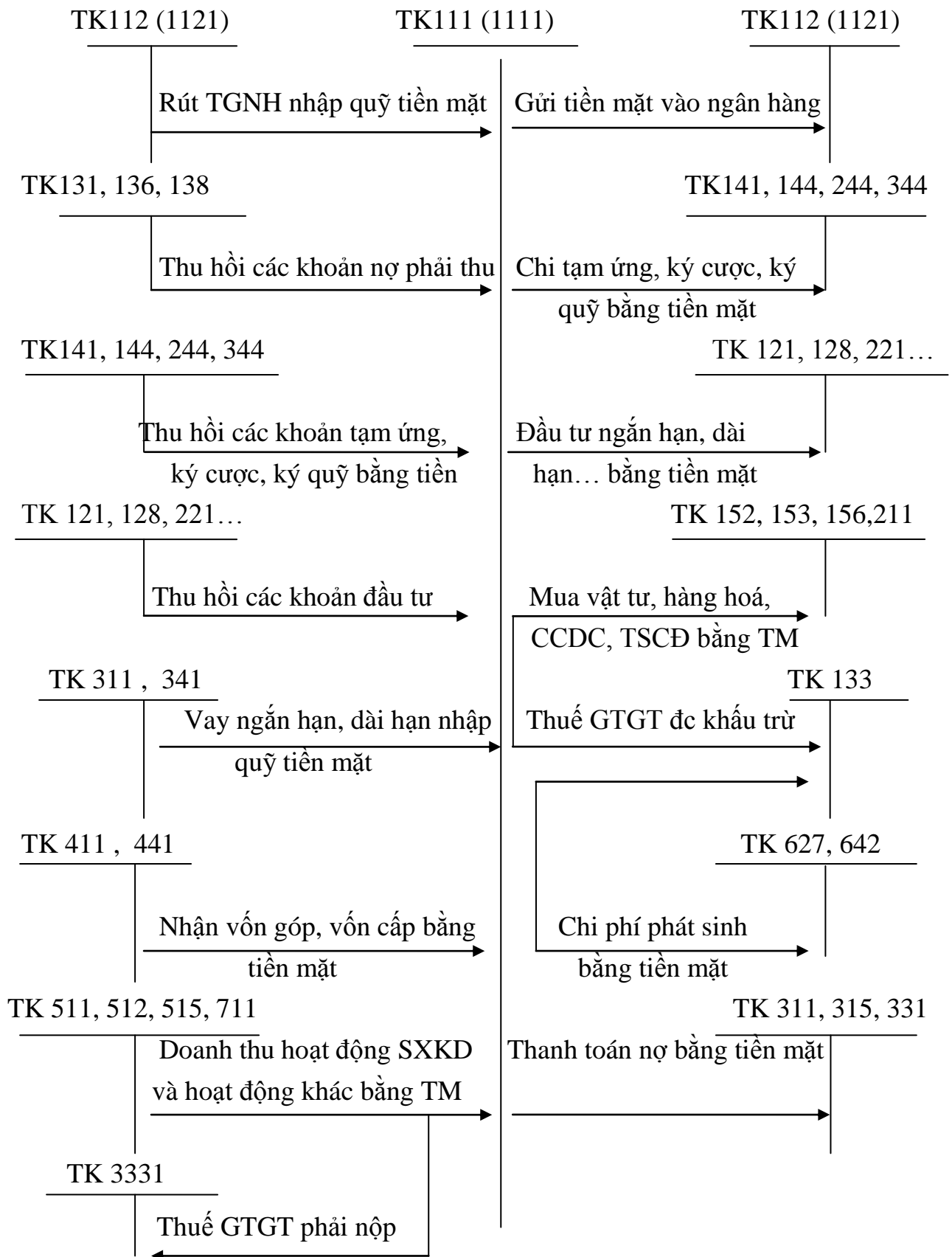
Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

18. Kế toán hợp đồng mua bán lại trái phiếu Chính phủ: Thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn TK 171 - Giao dịch mua, bán lại trái phiếu Chính phủ.

Hạch toán kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán tiền mặt (VNĐ)



1.2.4.2. Kế toán tiền mặt là ngoại tệ

- Đối với ngoại tệ, ngoài quy đổi ra Đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên TK 007 “ Nguyên tệ các loại”. Việc quy đổi ra Đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định,... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn ghi sổ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413 – Chênh lệch tỷ giá.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413

- Kết cấu TK 007:

Bên Nợ: Ngoại tệ tăng trong kỳ

Bên Có: Ngoại tệ giảm trong kỳ

Dư Nợ: Ngoại tệ hiện có

- Kết cấu TK 413 – “ Chênh lệch tỷ giá”:

Bên Nợ:

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá. nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Bên Có:

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền. vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này có thể dư Có hoặc dư Nợ:

+ Dư Nợ: Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý

+ Dư Có: Chênh lệch tỷ giá còn lại

- Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413 – “Chênh lệch tỷ giá” chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Riêng đối với đơn vị chuyên kinh doanh, mua bán ngoại tệ thì các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá bán ra của ngoại tệ được hạch toán vào TK 515 – “ Thu nhập từ hoạt động tài chính” hoặc TK 635 – “ Chi phí cho hoạt động tài chính”

* Nguyên tắc xác định tỷ giá ngoại tệ:

- Các loại tỷ giá:

+ Tỷ giá thực tế: Là tỷ giá ngoại tệ được xác định theo các căn cứ có tính chất khách quan như giá mua, tỷ giá do Ngân hàng công bố.

+ Tỷ giá hạch toán: Là tỷ giá ổn định trong một kỳ hạch toán, thường được xác định bằng tỷ giá mua thực tế lúc đầu kỳ.

- Cách xác định tỷ giá thực tế nhập, xuất quỹ như sau:

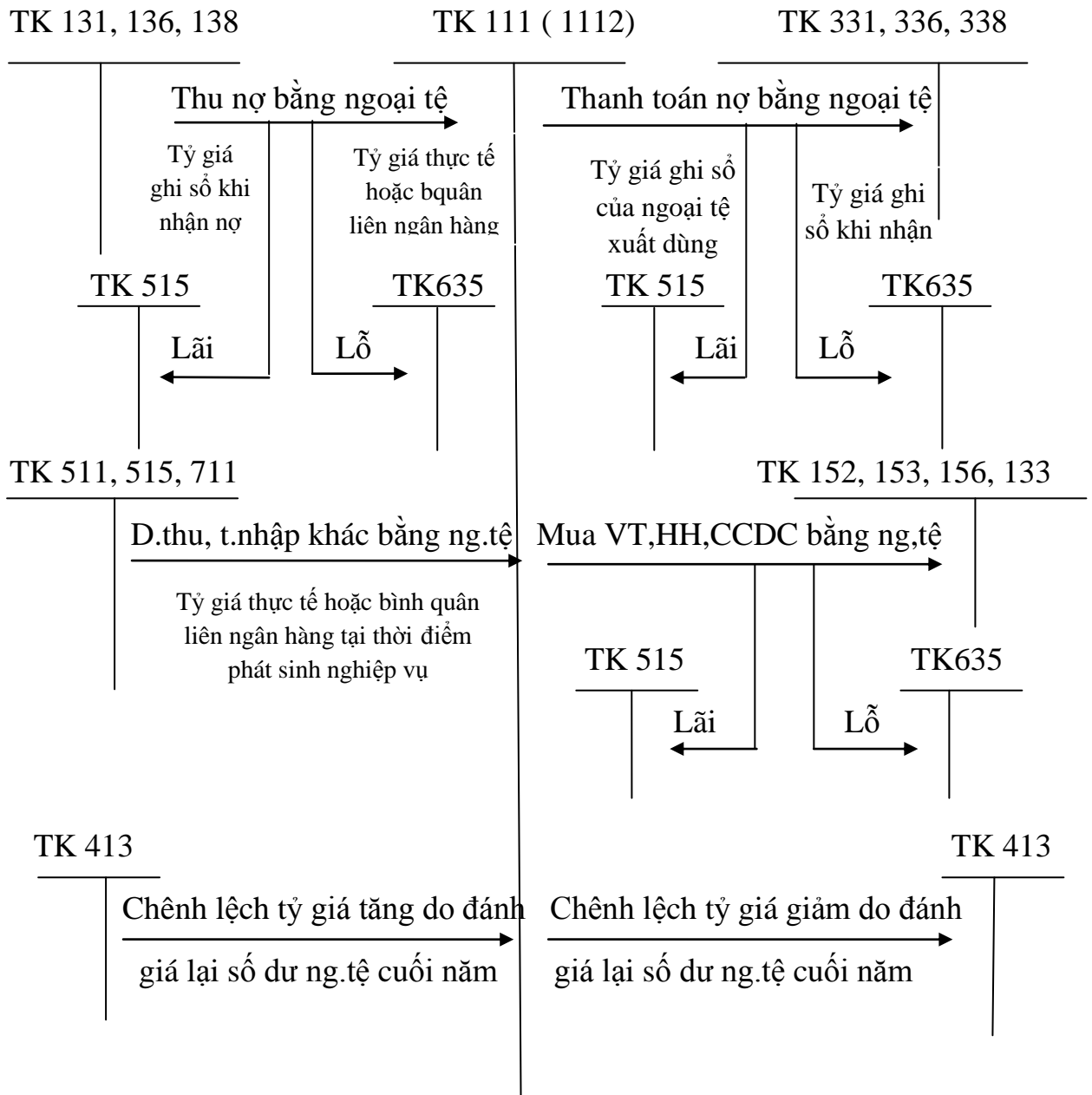
+ Tỷ giá thực tế nhập quỹ ghi theo giá mua thực tế hoặc theo tỷ giá do Ngân hàng công bố tại thời điểm nhập quỹ hoặc theo tỷ giá thực tế khi khách hàng chấp nhận nợ bằng ngoại tệ.

+ Tỷ giá xuất quỹ có thể tính theo nhiều phương pháp khác nhau như: Nhập trước xuất trước; Nhập sau xuất trước; Tỷ giá bình quân; Tỷ giá hiện tại.

+ Tỷ giá các khoản công nợ bằng ngoại tệ được tính bằng tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá của các ngoại tệ đã hình thành tài sản được tính theo tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi tăng tài sản (nhập tài sản vào doanh nghiệp).

Sơ đồ 02. Sơ đồ kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007- Ngoại tệ các loại

TK 007

<ul style="list-style-type: none"> - Thu nợ bằng ngoại tệ - Dthu, thu nhập khác bằng ng.tệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, HH, CCDC bằng ng.tệ
--	--

1.2.4.3. Kế toán tiền mặt là Vàng, bạc, kim khí, đá quý

- Trường hợp giá đánh giá lại Vàng, bạc, kim khí, đá quý phát sinh lãi, kế toán ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 1113 - Vàng, bạc, kim khí, đá quý (theo giá mua trong nước)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Trường hợp giá đánh giá lại Vàng, bạc, kim khí, đá quý phát sinh lỗ, kế toán ghi nhận chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 1113 - Vàng, bạc, kim khí, đá quý (theo giá mua trong nước).

1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

Như vậy, Tiền gửi Ngân hàng là số tiền tạm thời nhàn rỗi của doanh nghiệp đang gửi tại Ngân hàng hoặc kho bạc hay công ty tài chính được các doanh nghiệp sử dụng để thanh toán hầu hết các nghiệp vụ từ nhỏ đến lớn.

1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng

Kế toán tiền gửi Ngân hàng cần tuân theo những nguyên tắc sau:

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp. Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...).

a) Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu,

xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

b) Ở những doanh nghiệp có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

c) Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

d) Khoản thấu chi ngân hàng không được ghi âm trên tài khoản tiền gửi ngân hàng mà được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

đ) Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1122 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản 1122.

- Bên Có TK 1122 áp dụng tỷ giá ghi sổ Bình quân gia quyền.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

e) Vàng, bạc, kim khí, đá quý được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng Vàng, bạc, kim khí, đá quý phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

g) Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và Vàng, bạc, kim khí, đá quý theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi

doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong số các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

- Vàng, bạc, kim khí, đá quý được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng hạch toán tiền gửi ngân hàng

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyên khoản, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...)

Kế toán chịu trách nhiệm mở sổ chi tiết để theo dõi từng loại tiền gửi: Việt Nam đồng, ngoại tệ hay Vàng, bạc, kim khí, đá quý và chi tiết theo từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

1.3.2.2 Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng. Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý gửi vào Ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại Vàng, bạc, kim khí, đá quý tăng tại thời điểm báo cáo

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý rút ra từ Ngân hàng;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

- Chênh lệch đánh giá lại Vàng, bạc, kim khí, đá quý giảm tại thời điểm báo cáo

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp hai:

- Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1123 - Vàng, bạc, kim khí, đá quý: Phản ánh tình hình biến động và giá trị Vàng, bạc, kim khí, đá quý của doanh nghiệp đang gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

1.3.3. Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng

1. Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng, kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

a) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế gián thu (thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường), kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng theo từng loại thuế ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

2. Khi nhận được tiền của Ngân sách Nhà nước thanh toán về khoản trợ cấp, trợ giá bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3339).

3. Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 - Thu nhập khác (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

4. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 111 - Tiền mặt.

5. Nhận được tiền ứng trước hoặc khi khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản, căn cứ giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 113 - Tiền đang chuyển.

6. Thu hồi các khoản nợ phải thu, cho vay, ký cược, ký quỹ bằng tiền gửi ngân hàng; Nhận ký quỹ, ký cược của các doanh nghiệp khác bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122)

Có các TK 128, 131, 136, 141, 244, 344...

7. Khi bán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn thu bằng tiền gửi ngân hàng, kế toán ghi nhận chênh lệch giữa số tiền thu được và giá vốn khoản đầu tư (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền) vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 121 - Chứng khoán kinh doanh (giá vốn)

Có các TK 221, 222, 228 (giá vốn)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

8. Khi nhận được vốn góp của chủ sở hữu bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

9. Khi nhận tiền của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân để trang trải cho các hoạt động chung, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác.

10. Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, chuyển tiền gửi Ngân hàng đi ký quỹ, ký cược, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 244 - Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược.

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

11. Mua chứng khoán, cho vay hoặc đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết... bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

Nợ các TK 121, 128, 221, 222, 228

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

12. Mua hàng tồn kho (theo phương pháp kê khai thường xuyên), mua TSCĐ, chi cho hoạt động đầu tư XDCB bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua không bao gồm thuế GTGT, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

- Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua bao gồm cả thuế GTGT.

13. Mua hàng tồn kho bằng tiền gửi ngân hàng (theo phương pháp kiểm kê định kỳ), nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (6111, 6112)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua bao gồm cả thuế GTGT.

14. Khi mua nguyên vật liệu thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng sử dụng ngay vào sản xuất, kinh doanh, nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 621, 623, 627, 642,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, kế toán phản ánh chi phí bao gồm cả thuế GTGT.

15. Thanh toán các khoản nợ phải trả bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

Nợ các TK 331, 333, 334, 335, 336, 338, 341

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

16. Chi phí tài chính, chi phí khác bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

Nợ các TK 635, 811,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng. 1

17. Trả vốn góp hoặc trả cổ tức, lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nợ TK 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Nợ TK 353 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

18. Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

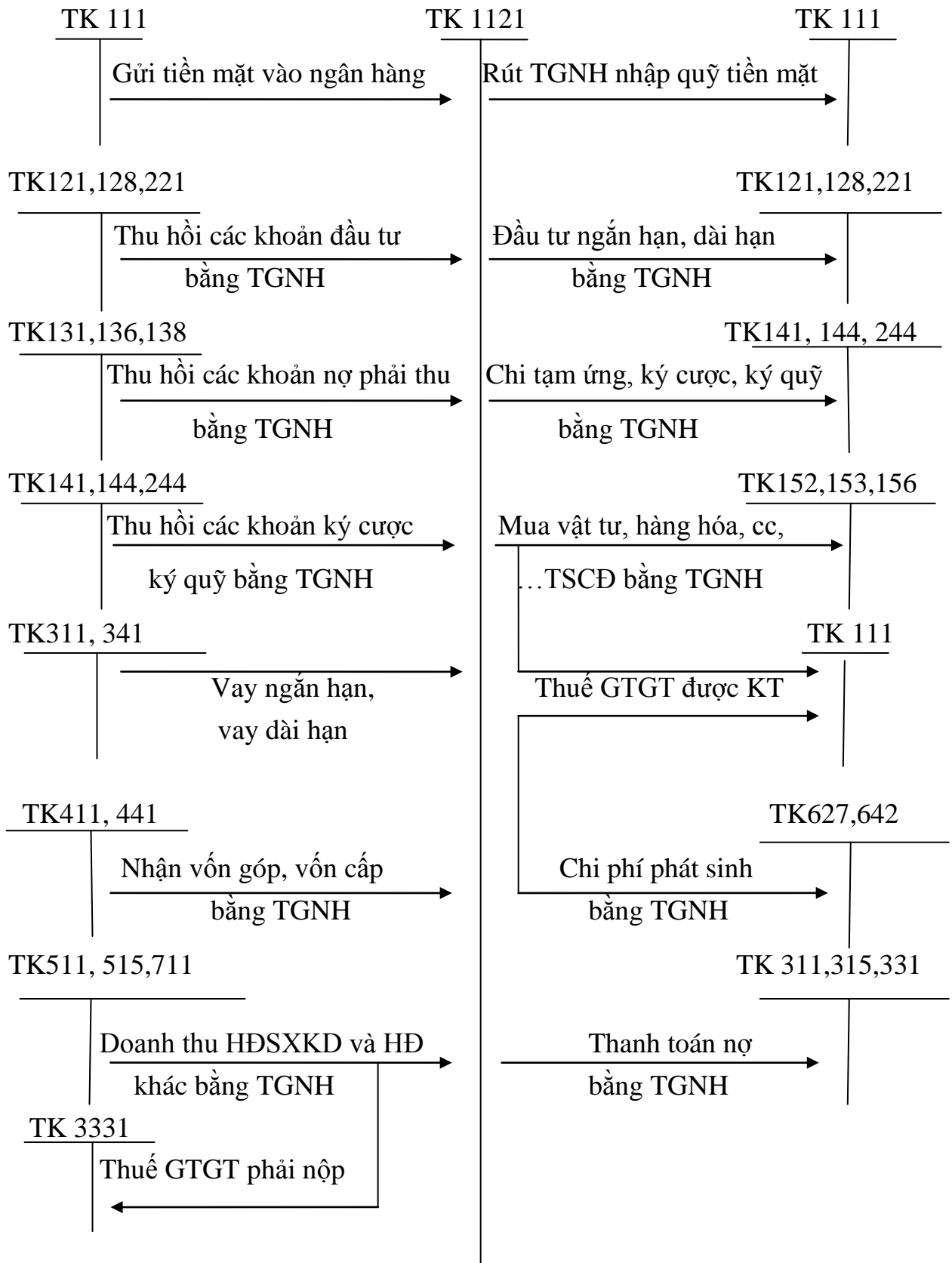
Nợ TK 521

Nợ TK 3331- Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.3:

Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền VND

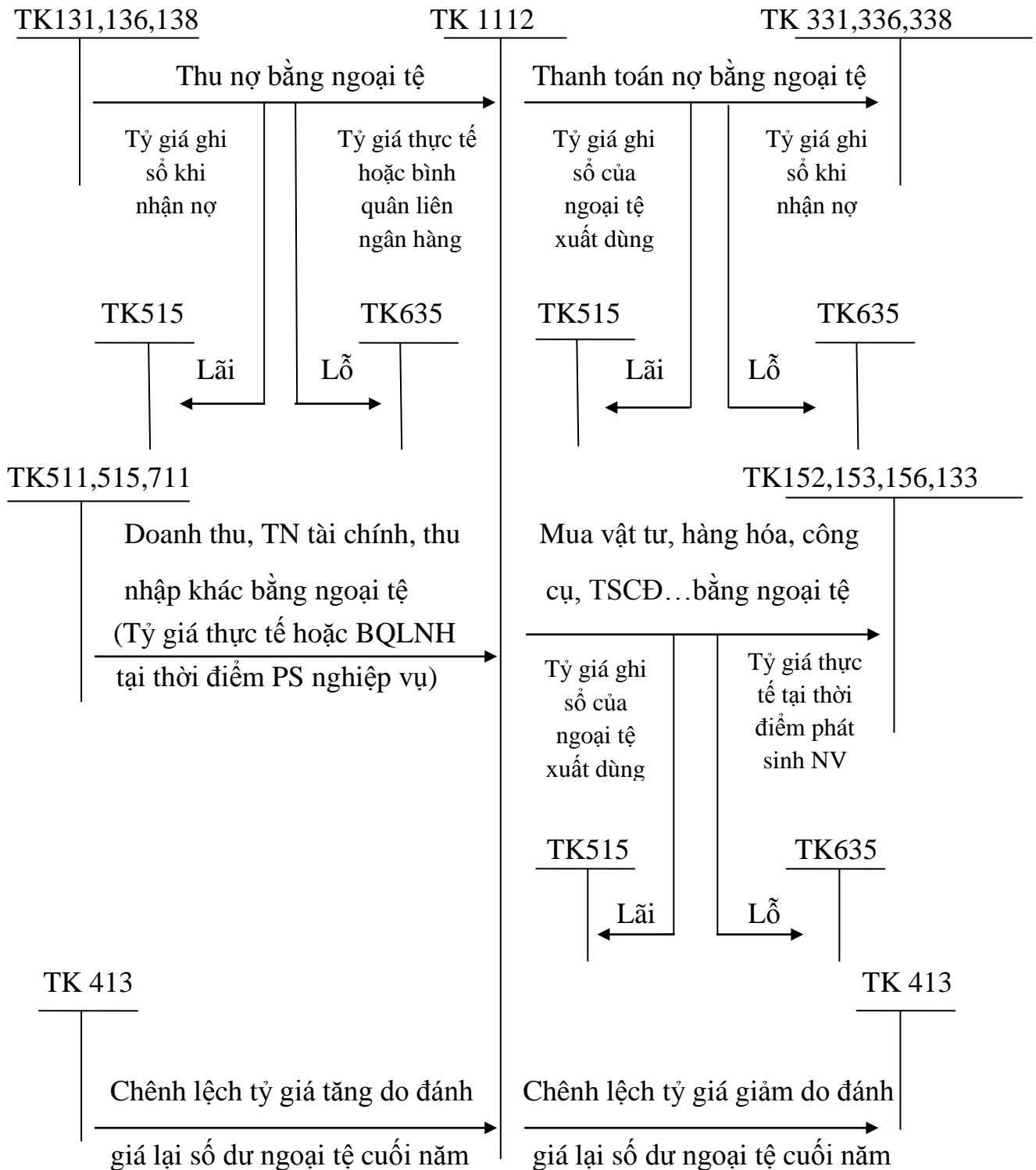


1.3.3.1. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ

Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.4:

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

TK 007

Thu nợ bằng ngoại tệ
- Doanh thu, TN tài chính,
TN khác bằng ngoại tệ

Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
- Mua vật tư, hàng hóa, công
cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ

1.3.3.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng là Vàng, bạc, kim khí, đá quý

- Trường hợp giá đánh giá lại Vàng, bạc, kim khí, đá quý phát sinh lãi, kế toán ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí, đá quý (theo giá mua trong nước)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Trường hợp giá đánh giá lại Vàng, bạc, kim khí, đá quý phát sinh lỗ, kế toán ghi nhận chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí, đá quý (theo giá mua trong nước).

1.4. Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền ...

1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã trả cho doanh nghiệp khác hay đã làm

thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho doanh nghiệp khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng;
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho doanh nghiệp khác;
- Thu tiền bán hàng chuyển thẳng vào Kho bạc để nộp thuế (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

1.4.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc.
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: Séc các loại, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi.

1.4.3. Tài khoản sử dụng

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK 113 - Tiền đang chuyển

Nội dung và kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

- Số tiền kết chuyển vào tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- Tài khoản 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.4.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển

a) Thu tiền bán hàng, tiền nợ của khách hàng hoặc các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng (không qua quỹ) nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (thu nợ của khách hàng)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 - Thu nhập khác Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)
(nếu có).

b) Xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 111 - Tiền mặt (1111, 1112).

c) Làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ở Ngân hàng để trả cho chủ nợ nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122).

d) Khách hàng trả trước tiền mua hàng bằng séc, doanh nghiệp đã nộp séc vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

đ) Ngân hàng báo Có các khoản tiền đang chuyển đã vào tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122)

Có TK 113 - Tiền đang chuyển (1131, 1132).

e) Ngân hàng báo Nợ các khoản tiền đang chuyển đã chuyển cho người bán, người cung cấp dịch vụ, ghi:

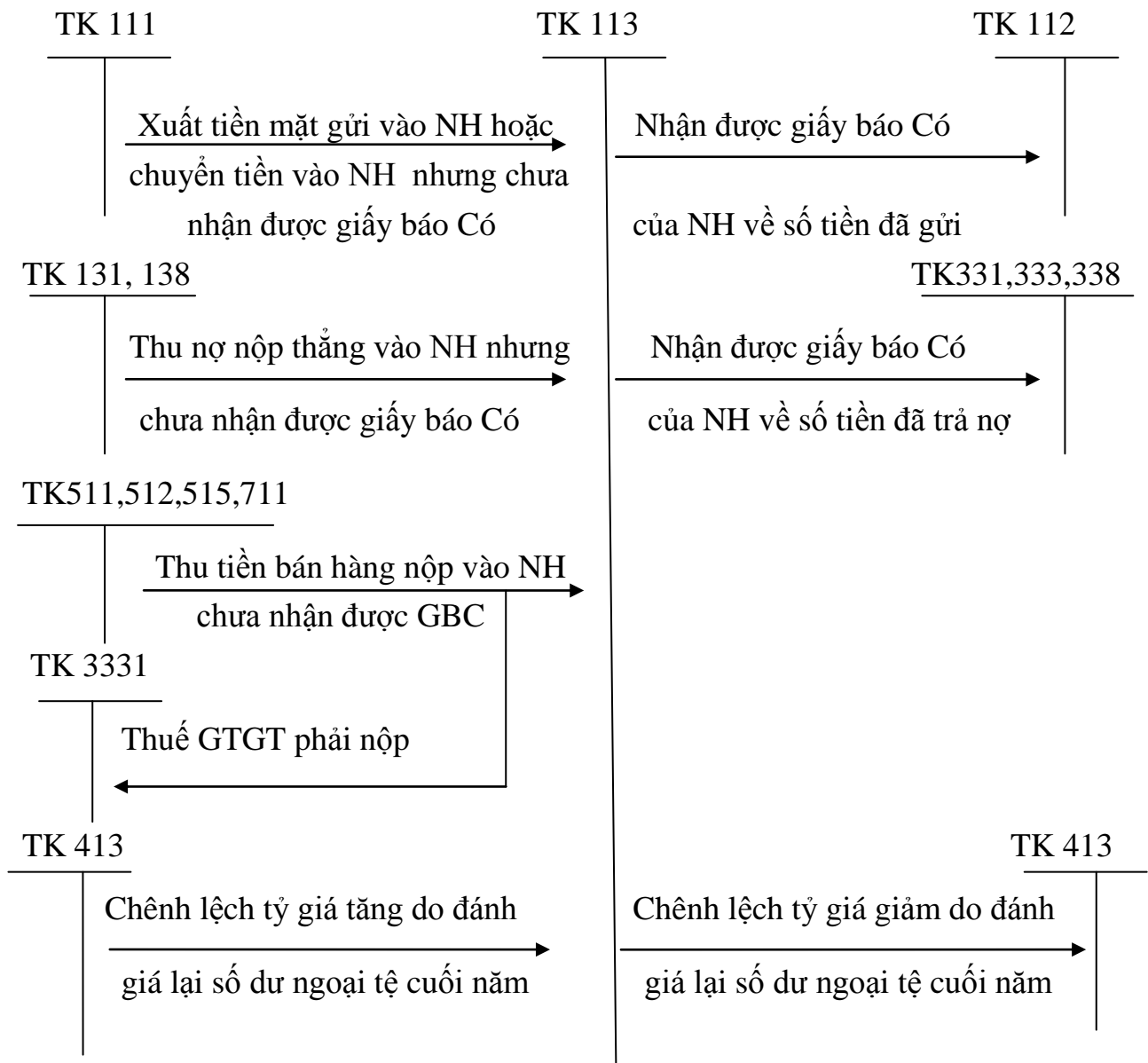
Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 113 - Tiền đang chuyển (1131, 1132).

g) Việc đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển được thực hiện tương tự phương pháp kế toán đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền mặt.

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ 1.5:

Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền đang chuyển



1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền

Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.
- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.

- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức ghi sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Nhật ký chung, Nhật ký - sổ cái, Nhật ký chứng từ, và kế toán máy.

Hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với các hình thức kế toán tùy thuộc vào đặc điểm, quy mô, trình độ nghiệp vụ mà kế toán lựa chọn hình thức kế toán phù hợp. Theo hướng dẫn của Bộ tài chính tại Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006, thì doanh nghiệp có thể tổ chức hệ thống sổ kế toán theo 1 trong 5 hình thức sổ kế toán trên.

1.5.1. Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

** Hệ thống sổ kế toán:*

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết

** Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:*

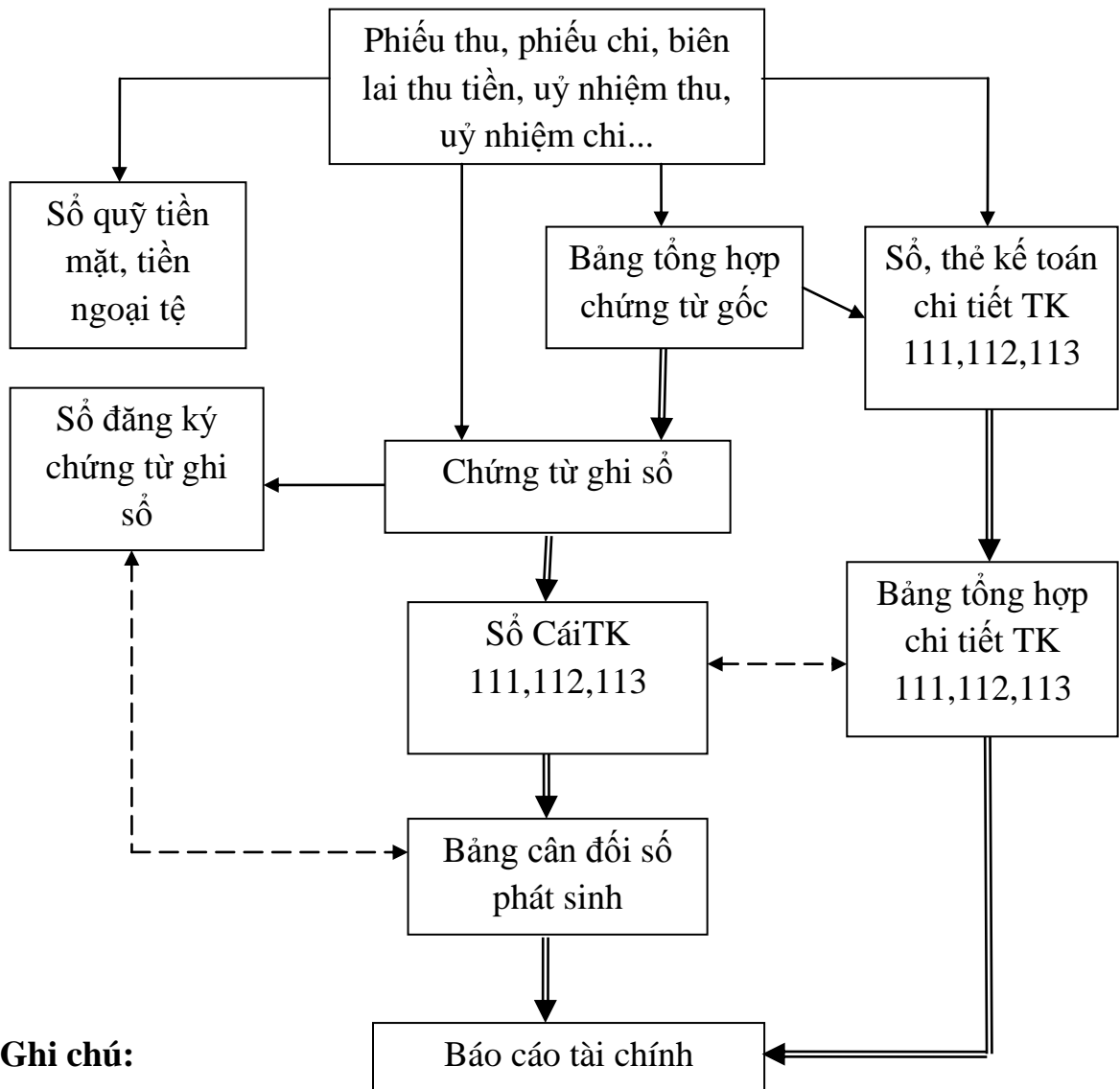
- Ưu điểm: dễ ghi chép do mẫu sổ đơn giản, thuận tiện cho việc phân công công tác kế toán

- Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu thường bị chậm

- Phạm vi sử dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ thường được áp dụng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, dễ áp dụng kế toán máy.

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

1.5.2. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

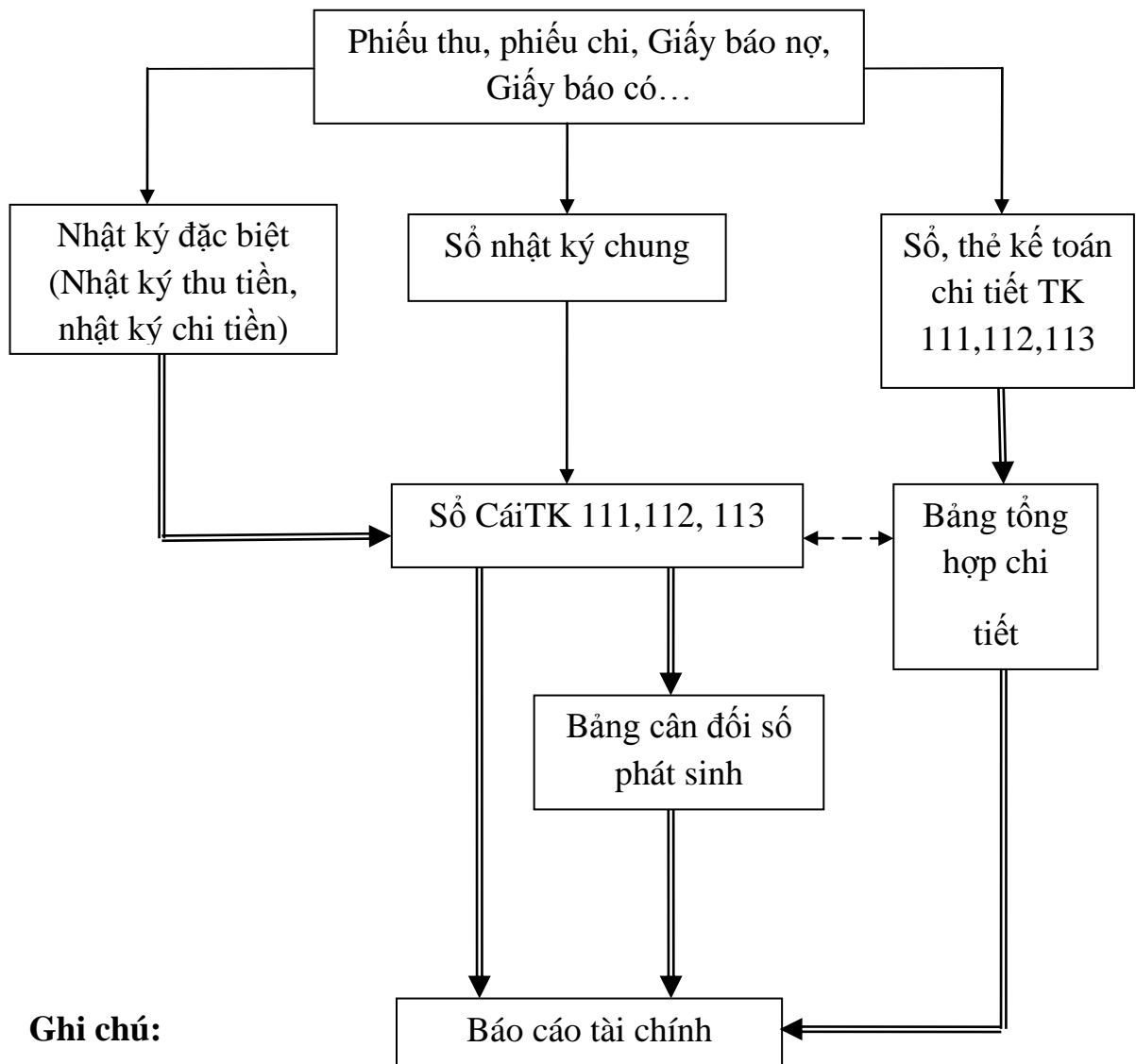
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

* Hệ thống sổ:

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ Nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt, Sổ Cái các tài khoản (111, 112, 113).

- Sổ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết .
 - * *Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:*
 - Ưu điểm: dễ phân công lao động kế toán, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép
 - Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp nhiều lần
 - Phạm vi sử dụng: Ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều tài khoản, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ nghiệp vụ của kế toán vững vàng.
- Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung để áp dụng kế toán máy.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng hoặc cuối kì
- <-.-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

1.5.3. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cáo là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

** Hệ thống sổ bao gồm:*

- Sổ Nhật ký - Sổ Cái
- Sổ kế toán chi tiết
- Bảng tổng hợp chi tiết

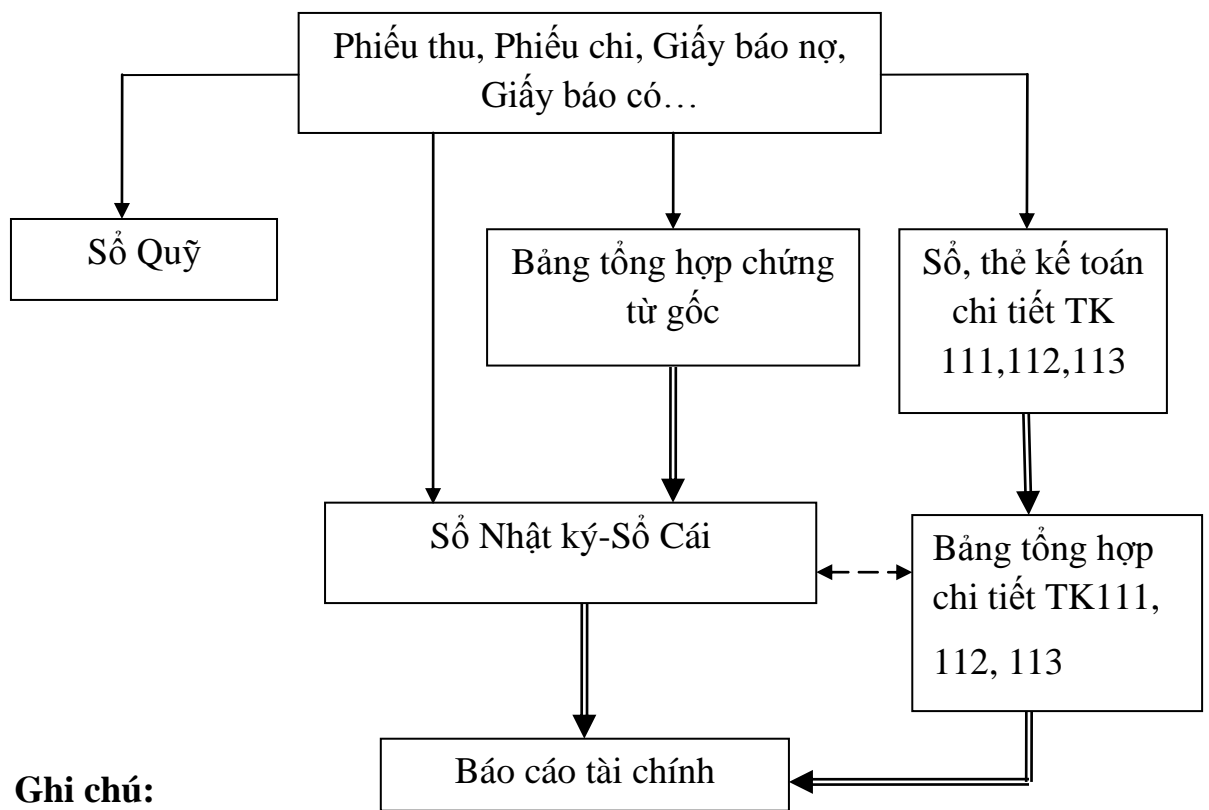
** Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:*

- Ưu điểm: dễ ghi chép, dễ đối chiếu kiểm tra số liệu
- Nhược điểm: khó phân công lao động, khó áp dụng phương tiện kỹ thuật tính toán, đặc biệt nếu doanh nghiệp sử dụng nhiều tài khoản, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh lớn thì hình thức Nhật ký - Sổ Cáo sẽ rất cồng kềnh và phức tạp.

- Phạm vi sử dụng: trong các doanh nghiệp quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít và sử dụng ít tài khoản.

Hình thức sổ kế toán nhật ký - Sổ Cáo thường áp dụng trong doanh nghiệp có quy mô nhỏ (vốn dưới 1 tỷ) và sử dụng ít tài khoản kế toán, kế toán chủ yếu làm thủ công.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc cuối kì
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

* Hệ thống sổ kế toán:

- Nhật ký chứng từ (số 1 - số 10)
- Bảng kê (số 1 - số 11 trừ số 7)
- Sổ Cái

- Sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết

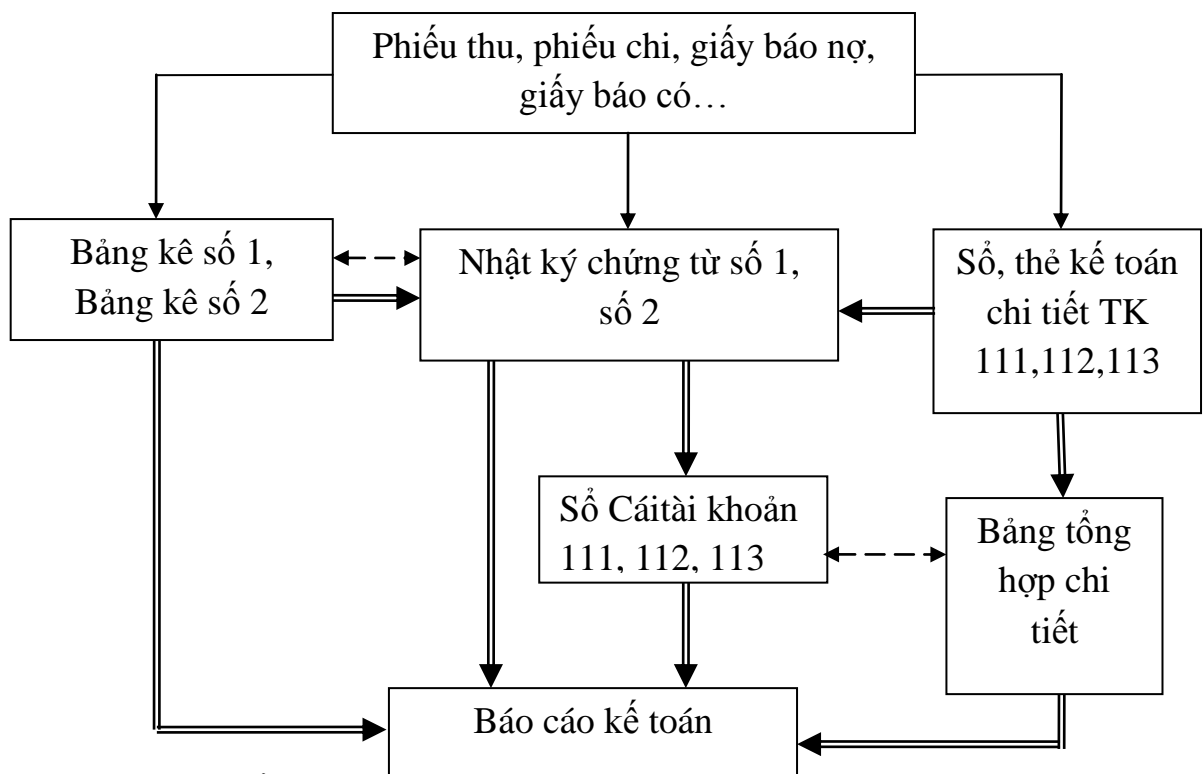
* Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:

- Ưu điểm: Giảm bớt khối lượng ghi chép, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác.

- Nhược điểm: Kết cấu sổ phức tạp, không thuận tiện cho cơ giới hoá

- Phạm vi sử dụng: Ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ nghiệp vụ của kế toán vững vàng.

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

1.5.5. Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy

trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

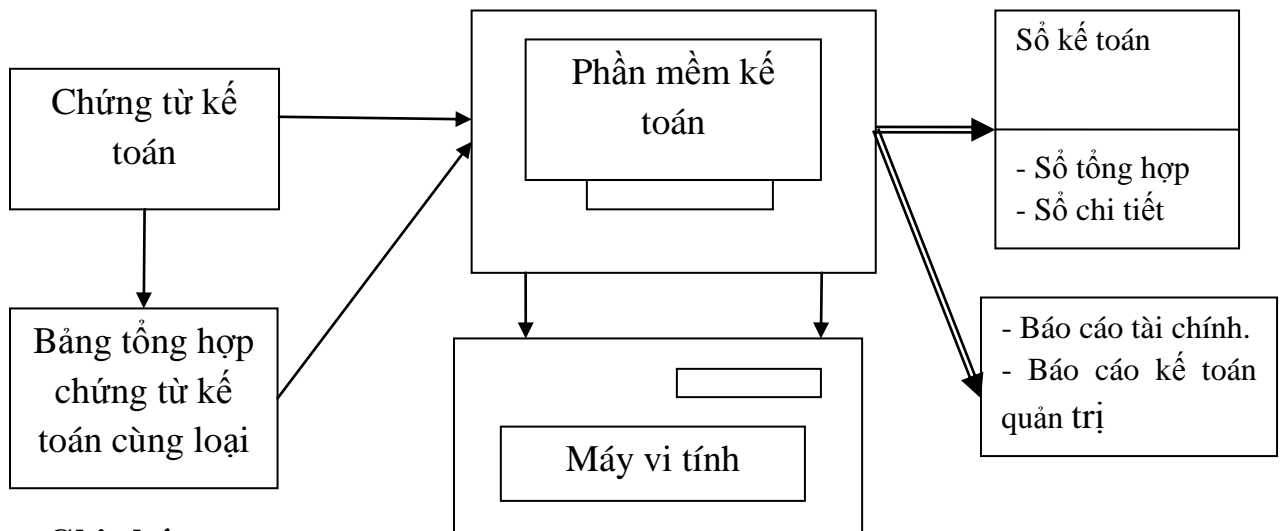
** Hệ thống sổ kế toán*

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

** Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:*

- Ưu điểm: Chính xác, hiệu quả, chuyên nghiệp, dễ sử dụng.
- Nhược điểm: Phải mất nhiều tiền mua bản quyền phần mềm kế toán về cài đặt và áp dụng cho toàn hệ thống kế toán của doanh nghiệp.
- Phạm vi sử dụng: Rộng rãi, có thể áp dụng đối với mọi hình thức kế toán.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⇔ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI**

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Sao Mai

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai là công ty chuyên về lĩnh vực may mặc được thành lập vào năm 2005 dưới hình thức là một công ty TNHH.

Tên giao dịch : Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Mã số thuế: 0200643135.

Giám đốc: Nguyễn Văn Trinh.

Trụ sở: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.

Giấy phép hoạt động: 0202002807.

Ngày cấp Giấy Phép: 11/07/2005.

Ngày hoạt động: 15/09/2005.

2.1.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh tại công ty

Công ty sản xuất kinh doanh chủ yếu là sản phẩm may mặc:

- Kinh doanh các loại mặt hàng may mặc.
- Trực tiếp thiết kế, tạo mẫu và sản xuất các sản phẩm may mặc.
- Sản xuất theo đơn đặt hàng của các khách hàng trong nước và nước ngoài.
- Các sản phẩm mà công ty sản xuất chủ yếu là vest, jacket, áo lông, áo bông mùa đông, quần và nhiều mặt hàng thời trang khác. Mỗi loại đều có nhiều kiểu dáng, mẫu mã, chất lượng, màu sắc khác nhau...

- Nhận gia công toàn bộ: khi hợp đồng gia công được ký kết, công ty sẽ nhận nguyên vật liệu từ khách hàng để tiến hành gia công theo yêu cầu và giao lại cho khách hàng.

- Ngoài ra công ty còn nhận thiết kế và sản xuất đồng phục cho các đơn vị trường học, cơ quan...

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn

Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai được thành lập với tổng số vốn ban đầu là 6.000.000.000 đồng. Năm 2005 do mới thành lập, thiếu kinh nghiệm trong tổ chức quản lý, tay nghề công nhân còn yếu nên năng suất thấp, hàng hóa lỗi

hông nhiều, công ty kinh doanh hiệu quả không cao do không cạnh tranh được với các thương hiệu đã có từ lâu nên tình hình tài chính khó khăn.

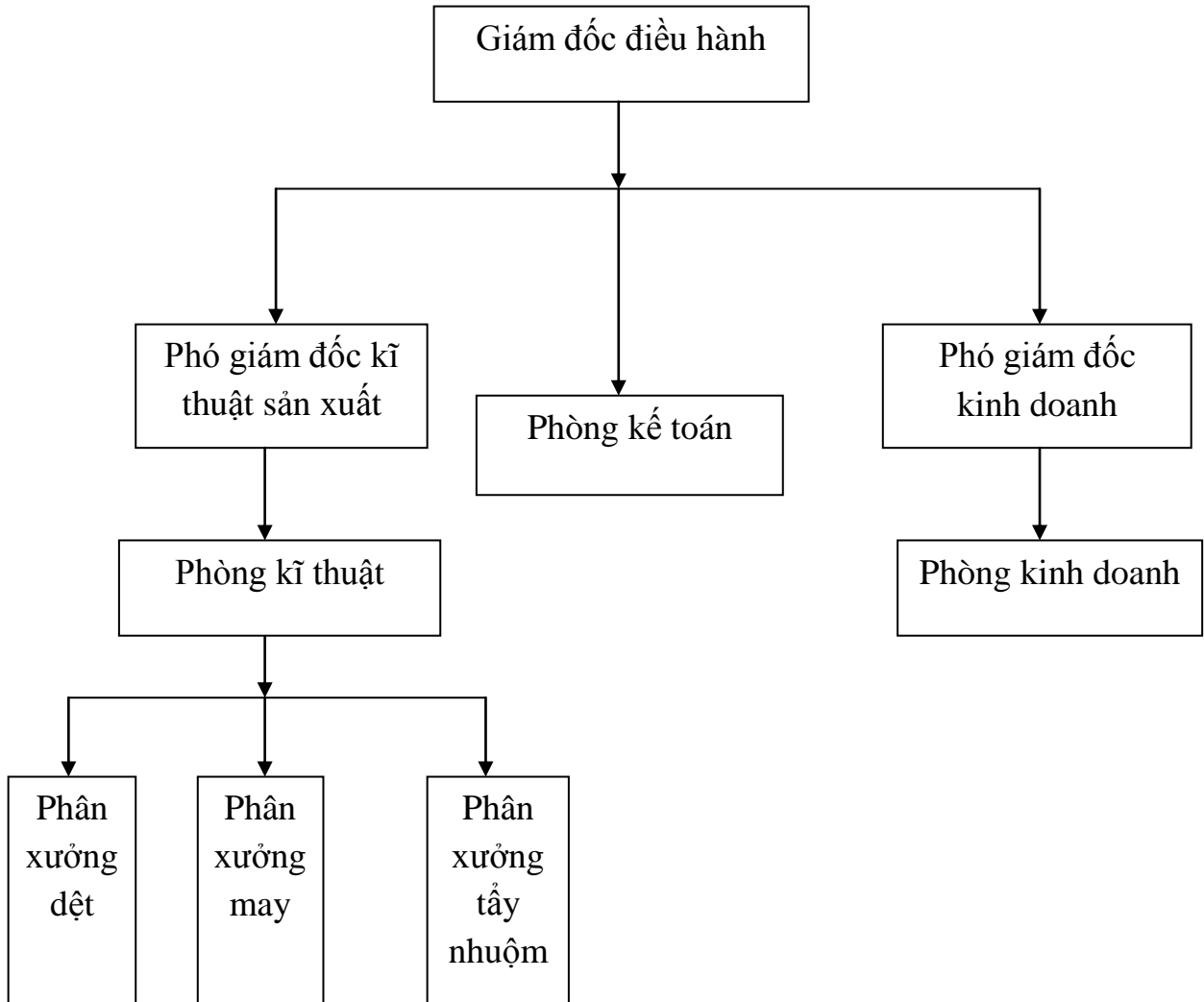
Năm 2007 - 2011 với nỗ lực đổi mới công nghệ, phương thức kinh doanh, nâng cao tay nghề cho công nhân, đào tạo cán bộ, tổ chức lại bộ máy quản lí... tình hình kinh tế tại công ty dần được phục hồi và thu được nhiều thành quả đáng kể, quy mô sản xuất ngày càng mở rộng hơn. Chất lượng hàng hóa tăng lên, thu nhập của lao động trong doanh nghiệp tăng lên tạo niềm tin cho công nhân tiếp tục làm việc (mức thu nhập của công nhân trung bình từ 2,5 – 4.5 triệu đồng), kí kết được nhiều hợp đồng kinh tế với khách hàng...

Từ năm 2014 đến nay công ty nhận được rất nhiều đơn đặt hàng của các đối tác. Để đáp ứng nhu cầu sản xuất và kinh doanh công ty tăng cường đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô sản xuất, thành lập thêm 3 chuyên may và tuyển thêm 240 lao động mới. Các khâu bán hàng, marketing cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Vì vậy mà sản phẩm của công ty ngày càng được nhiều người ưa chuộng, uy tín của công ty được nâng cao.

2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kế toán tại công ty

- Về công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp Công Ty TNHH Thương Mại Sao Mai cũng đã nghiên cứu lập các phòng ban chuyên trách được bố trí hợp lý, logic khoa học tạo điều kiện cho công ty quản lý chặt chẽ các mặt kinh tế kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí để hạ giá thành, đảm bảo cạnh tranh trên thị trường, đem lại hiệu quả cao.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của công ty



* Giám đốc điều hành công ty:

- Là người quyết định các chủ trương chính sách chiến lược của Công ty, nắm giữ trực tiếp sự thành bại của Công ty.
- Phê duyệt các quyết định áp dụng trong nội bộ Công ty.
- Chịu trách nhiệm về các mặt hoạt động của Công ty trước toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty và trước pháp luật hiện hành.
- Trực tiếp kí các hợp đồng xuất nhập khẩu.
- Quyết định toàn bộ giá cả mua bán hàng hóa, vật tư, thiết bị...
- Là chủ tài khoản của Công ty.
- Là người kí quyết định liên quan đến nhân sự của Công ty.

* Phó giám đốc Kỹ thuật sản xuất:

- Là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc Công ty về kỹ thuật sản xuất sản phẩm.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Điều hành phòng kỹ thuật lập các mẫu cho sản phẩm, kiểm tra, giám sát quá trình tạo sản phẩm từ các Xưởng sản xuất trong Công ty.

** Phó giám đốc kinh doanh:*

- Là người điều hành phòng kinh doanh của Công ty.
- Giao nhiệm vụ cho các nhân viên trong phòng kinh doanh lên kế hoạch kinh doanh cho Công ty mình như: mua vật tư, bán sản phẩm, mở rộng thị trường...

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc những quyết định của mình.

** Phòng Kế toán:*

- Cung cấp đầy đủ toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của Công ty nhằm giúp cho Giám đốc điều hành và quản lý các hoạt động kinh tế tài chính ở đơn vị đạt hiệu quả cao.

- Phản ánh cụ thể từng loại nguồn vốn, từng loại tài sản, sự vận động của nó giúp cho việc kiểm tra giám sát tính toán hiệu quả trong việc sử dụng vốn và tính chủ động trong kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ khoản chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh

- Kế toán phản ánh được kết quả lao động của cán bộ công nhân viên trong Công ty, xác định trách nhiệm vật chất đối với người lao động một cách rõ ràng nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động.

- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu đề xuất giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.

- Phụ trách cân đối thu chi, báo cáo quyết toán.

- Tính và trả lương cho công nhân viên.

- Thay mặt Công ty thực hiện các nghĩa vụ về Thuế đối với Nhà nước.

** Phòng Kinh doanh:*

- Tìm kiếm nguồn nguyên phụ liệu dặt, nhuộm, may cho Công ty.

- Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm ra nước ngoài theo chiến lược của Công ty.

- Lập kế hoạch kinh doanh các sản phẩm của Công ty từ các đơn đặt hàng nhận được và các dự án mới.

- Thực hiện tất cả các hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty.

- Tiếp khách hàng, phân tích thị trường, tìm thị trường, khách hàng cho Công ty, đảm bảo nguồn nguyên phụ liệu ổn định cho Công ty.

- Phân tích đơn hàng, lập định mức sản phẩm trên cơ sở đó tính giá thành sản phẩm, giá bán...để trình Giám đốc phê duyệt.

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng cho giám đốc Công ty.

** Phòng Kỹ thuật sản xuất:*

- Thiết kế mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

- Tư vấn cho khách hàng mẫu mã của sản phẩm.

- Tiếp nhận tài liệu kỹ thuật, tài liệu kế hoạch, các mẫu gốc từ khách hàng.

Chuyển giao tài liệu kỹ thuật, các mẫu gốc cho bộ phận sản xuất thực hiện.

- Hướng dẫn cho công nhân trong Công ty thực hiện tốt công nghệ mới áp dụng vào sản xuất.

- Theo dõi công nhân trong suốt quá trình sản xuất, tránh trường hợp sản xuất không đúng với yêu cầu của bản mẫu.

** Phân xưởng cắt:*

- Từ nguyên liệu ban đầu kết hợp với máy móc chuyên dụng và dưới bàn tay của người thợ phân xưởng cắt tạo ra các sản phẩm với hình dáng sơ khai đầu tiên theo đúng quy định của mẫu vẽ. Đây là công đoạn đầu tiên của quá trình sản xuất.

** Phân xưởng may:*

- Đây là công đoạn thứ hai của quá trình sản xuất sản phẩm, kết nối các miếng cắt từ Phân xưởng cắt để tạo ra các sản phẩm cho Công ty theo mẫu mã của khách hàng và phòng kỹ thuật sản xuất.

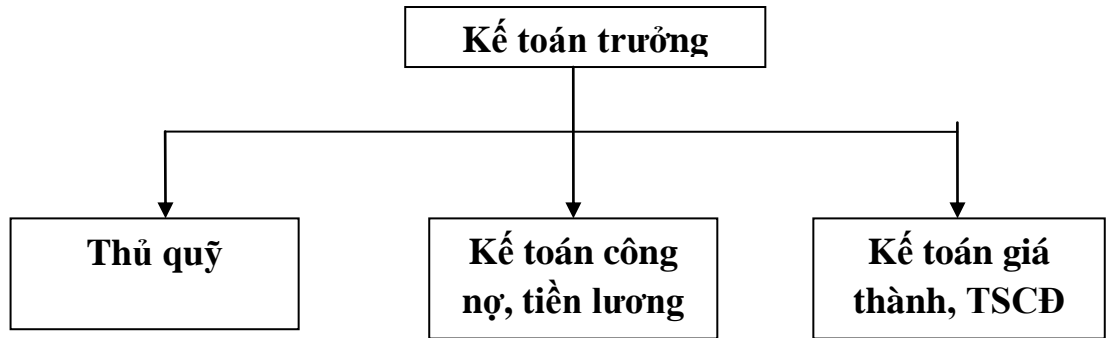
2.1.5. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai là đơn vị hạch toán độc lập, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh ghi chép lưu trữ chứng từ, sổ kế toán và hệ thống báo cáo đều được thực hiện tại phòng kế toán tài chính của công ty.

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán trong doanh nghiệp.



*** Nhiệm vụ, chức năng:**

- *Kế toán trưởng*: Chỉ đạo tổ chức các phân hành kế toán, kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán đồng thời tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.

- *Thủ quỹ*: Có nhiệm vụ quản lý nhập và xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt, tiền gửi trong ngày. Theo dõi quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi, chịu trách nhiệm giao dịch với ngân hàng.

- *Kế toán công nợ*: Có nhiệm vụ theo dõi công nợ theo từng đối tượng khách hàng (mua, bán, tạm ứng), theo dõi công nợ theo hợp đồng, hạn thanh toán, các khoản phải thu phải trả khác kiêm kế toán tiền lương.

- *Kế toán giá thành*: Có nhiệm vụ tập hợp chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định giá thành của sản phẩm, tham mưu cho cấp trên để có chiến lược bán hàng hợp lý. Ngoài ra còn theo dõi tài sản cố định tại công ty.

2.1.5.2. Chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại công ty

*** Chính sách, chế độ kế toán**

Chế độ kế toán áp dụng ở doanh nghiệp được Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Doanh nghiệp tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: nguyên tắc đánh giá theo giá trị thực tế, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên; Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đều.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Việt Nam Đồng (VND)
- Kỳ kế toán: tháng.
- Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

Nguyên tắc và phương pháp quy đổi ngoại tệ theo tỷ giá của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

** Tổ chức hệ thống chứng từ*

Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của luật kế toán và quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tuân thủ theo biểu mẫu, nội dung cũng như phương pháp lập bao gồm các chứng từ cơ bản sau:

- Chứng từ về lao động tiền lương
- Chứng từ về hàng tồn kho
- Chứng từ về bán hàng
- Chứng từ về tiền tệ
- Chứng từ về tài sản cố định

Mỗi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan để hoạt động của công ty đều được lập các chứng từ kế toán hợp lệ. Các chứng từ này là căn cứ để hạch toán chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết ... hàng kỳ các chứng từ được đóng lại và lưu giữ cẩn thận.

** Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán*

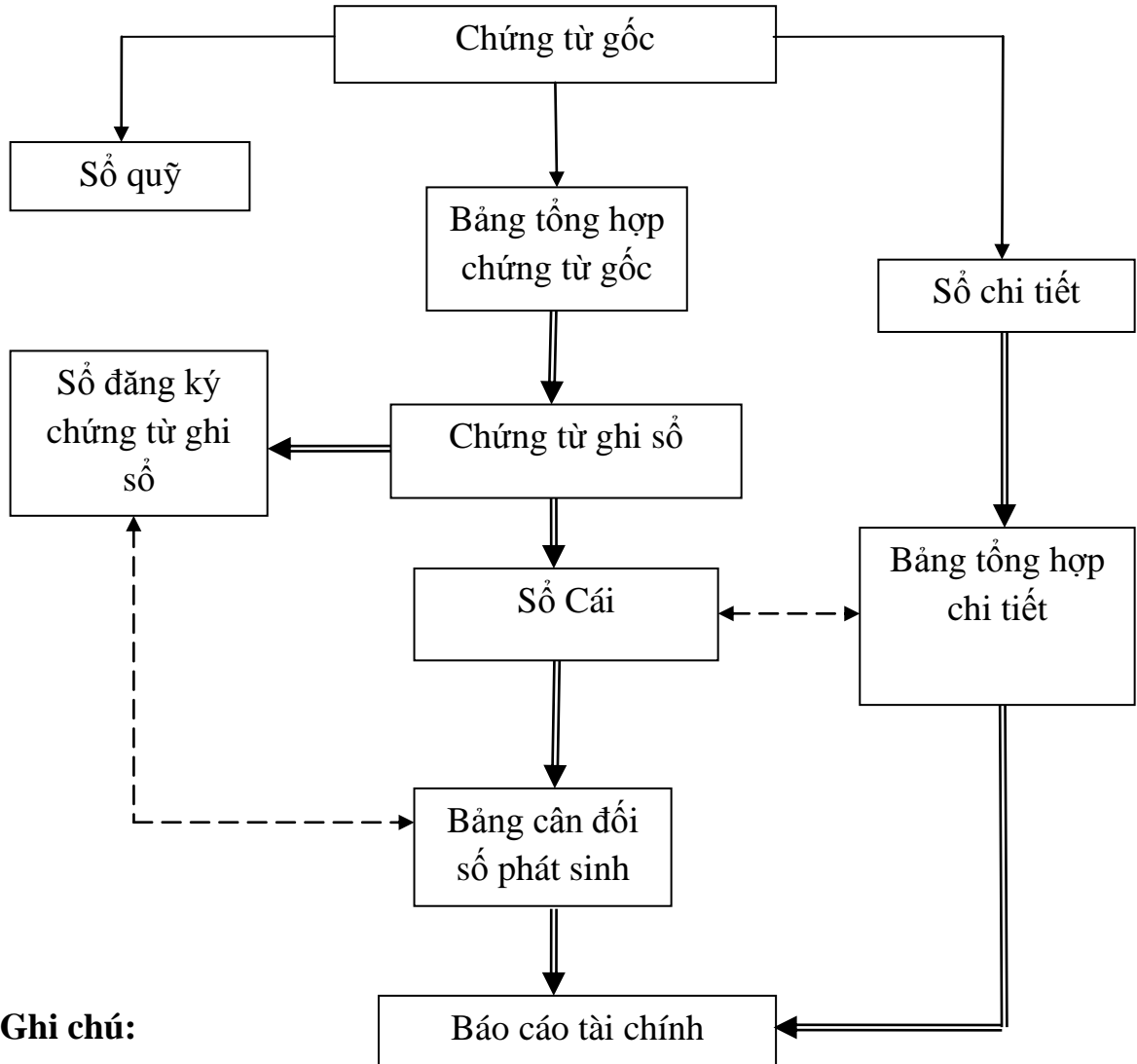
Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai đang áp dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ được ban hành theo 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngoài ra công ty còn sử dụng thêm một số tài khoản chi tiết cấp 2,3 theo dõi cho cùng nội dung kinh tế nhưng cho các đối tượng khác nhau.

** Tổ chức hệ thống sổ kế toán*

Hiện nay, công ty đang sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ với hệ thống sổ sách tương đối đầy đủ bao gồm: Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, các Chứng từ ghi sổ, Sổ cái, các loại sổ tổng hợp và các loại sổ chi tiết.

Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai:

Sơ Đồ 2.3: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

(1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ hợp lệ, kế toán lập Bảng Tổng hợp cùng nội dung, và ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, kế toán căn cứ vào Bảng Tổng hợp chứng từ cùng nội dung để lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ. Tiếp theo, kế toán tổng hợp số liệu từ các chứng từ ghi sổ dung để ghi vào Sổ Cái các tài khoản tổng hợp. Sau đó kế toán phải khóa sổ tính ra tổng sổ

tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng kí Chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), kế toán căn cứ vào Sổ Cái để lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Cuối kì, kế toán căn cứ vào Bảng Cân đối số phát sinh, Sổ Cái các tài khoản tổng hợp và Bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo Cáo tài chính.

** Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính*

Hệ thống báo cáo tài chính được Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai sử dụng hiện nay gồm 4 báo cáo tài chính theo chế độ quy định gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số 02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DN)

Hệ thống báo cáo quản trị được phòng kế toán lập theo yêu cầu của Ban Giám đốc, bao gồm về các báo cáo tình hình công nợ, báo cáo doanh thu, báo cáo về chi phí, báo cáo kết quả theo từng bộ phận kinh doanh. Từ đó ban giám đốc sẽ có quyết định điều chỉnh phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty trong môi trường kinh doanh luôn thay đổi và phức tạp.

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động tồn tại dưới hình thức tiền tệ, tham gia cung cấp vốn cho quá trình kinh doanh trong công ty. Đặc trưng của vốn bằng tiền là tính thanh khoản cao, do vậy vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán.

Vì vậy, công ty rất coi trọng việc kiểm soát vốn bằng tiền, sử dụng vốn bằng tiền sao cho hiệu quả, khoa học, hợp lý và kịp thời.

Kế toán vốn bằng tiền của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và công ty không sử dụng tài khoản tiền đang chuyển.

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là VNĐ. Trường hợp công ty có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng thì đều được quy đổi ngoại tệ ra VNĐ theo tỉ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 – TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 – TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT)
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.2. Tài khoản, sổ sách sử dụng

* Tài khoản sử dụng:

Tại quỹ, Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai chỉ gồm 1 loại tiền duy nhất là tiền Việt Nam đồng, không tồn tại Vàng tệ nên công ty cũng chỉ sử dụng duy nhất 1 tài khoản 111 “Tiền mặt” để phản ánh tính hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt của đơn vị, và không có tài khoản chi tiết theo cấp 2.

* Sổ sách sử dụng:

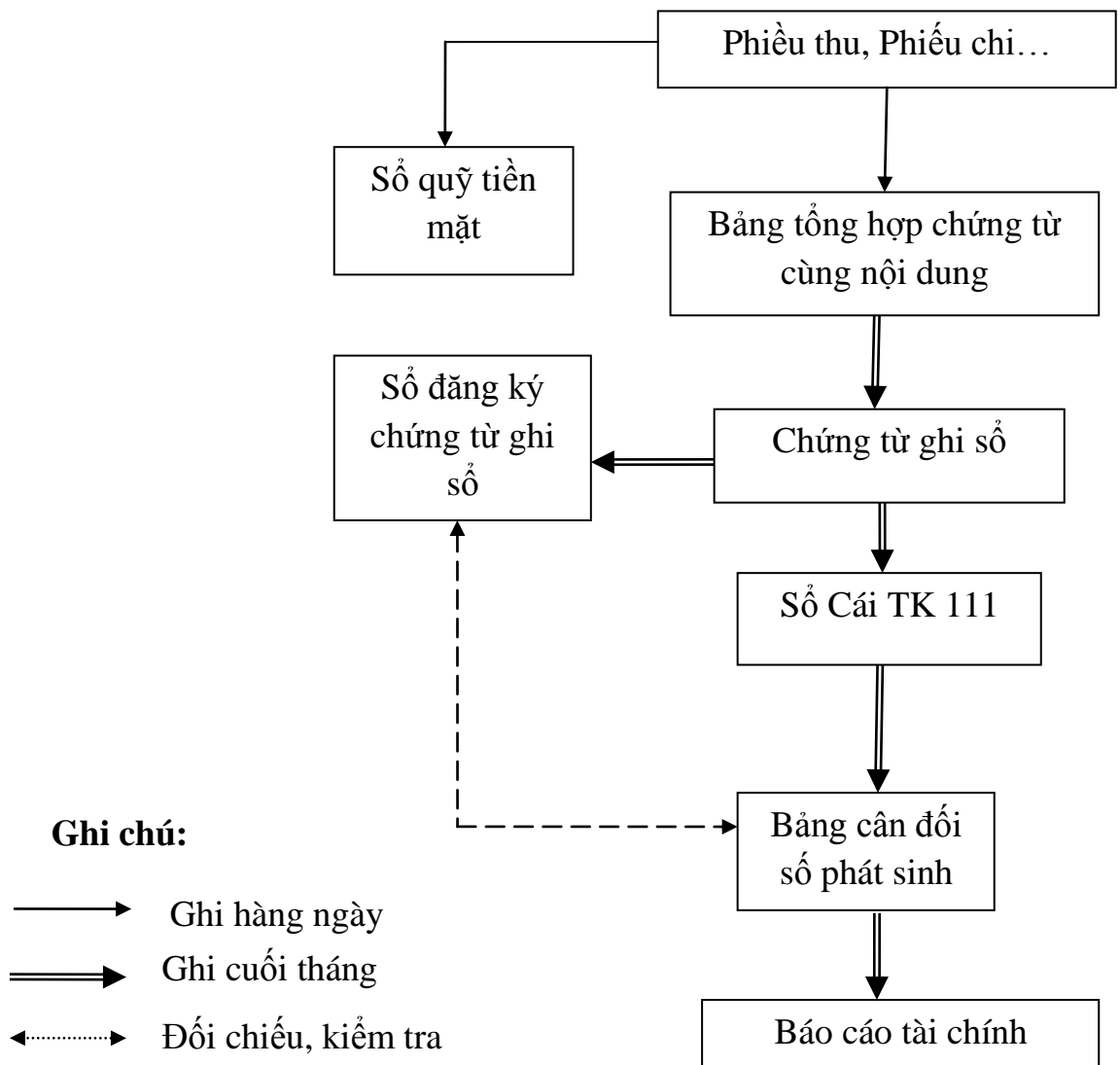
Công ty sử dụng các loại sổ sách kế toán sau:

- Sổ quỹ tiền mặt
- Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ CáiTK 111

2.2.1.3. Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty

Quy trình hạch toán vốn bằng tiền mặt tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai được mô tả qua sơ đồ như sau:

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty



(a) Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi...kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung.

(b) Cuối tháng căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung để lập Chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ Đăng kí Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái TK 111 và các tài khoản khác có liên quan.Căn cứ vào Sổ Cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh

(c) Cuối kì, kế toán căn cứ vào Bảng Cân đối số phát sinh và Sổ Cái các tài khoản tổng hợp để lập Báo Cáo tài chính.

2.2.1.4. Hạch toán chi tiết một số nghiệp vụ

* Nghiệp vụ làm tăng tiền mặt tại quỹ

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm các khoản:

- + Thu từ việc bán hàng hóa, kinh doanh các dịch vụ
- + Thu tiền tạm ứng
- + Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng
- + Các khoản thu khác

Ví dụ: - Ngày 09/03/2014 kí HĐ bán lô hàng quần áo đồng phục cho Công ty TNHH Hoàng Anh với số tiền là 93.588.000 (gồm VAT 10%).

- Ngày 26/03/2014, Công ty xuất xưởng bàn giao cho Công ty TNHH Hoàng Anh toàn bộ lô hàng như đã kí kết hợp đồng và tiền hành quyết toán, thanh lý hợp đồng, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế ngày 09/03/2014 (Biểu số 2.1), kế toán viết Hóa đơn GTGT số 0035483 (Biểu số 2.3) cho Công ty TNHH Hoàng Anh.

Căn cứ HĐ GTGT số 0004657 và phiếu thu số 22/03 (Biểu số 2.5) kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (Biểu số 2.6) và Sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.11)

Cuối tháng, từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.7). Sau đó, từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng kí Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.12).

Cuối kì kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào Sổ Cái tài khoản 111 (Biểu số 2.13) và các tài khoản có liên quan khác. Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Hợp đồng kinh tế số 224/HĐKT2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số 224/HĐKT2014

- Căn cứ Pháp lệnh HĐKT ngày 2/9/1990 của Hội đồng Nhà nước;
- Căn cứ vào sự thỏa thuận của 02 bên;

Hôm nay, vào ngày 09/03/2014 tại văn phòng Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

- Đại diện: Ông Nguyễn Văn Trình
- Chức vụ : Giám đốc công ty
- Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng

Bên B: Ông Phạm Hùng Chiến – Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Anh

- Địa chỉ: Quán Khái - Vĩnh Phong - Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Hai bên đã thống nhất ký kết hợp đồng với những nội dung sau:

Điều 1: Tên hàng, quy cách, số lượng, đơn giá

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Quần Vải	chiếc	300	165.550	49.665.000
3	Áo Sơ mi trắng	chiếc	315	112.429	35.415.000
Tổng					85.080.000

Bằng chữ: Tám mươi năm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng.

Điều 2: Trách nhiệm của các bên

Bên A cung cấp đầy đủ số lượng hàng cho bên B theo như đúng hợp đồng, đúng quy cách, chất lượng.

Bên B nhận đủ số hàng mà bên A đã cung cấp, kiểm tra hàng và có trách nhiệm thanh toán số tiền như trong hợp đồng.

Điều 4: Thanh toán

Thanh toán bằng tiền mặt.

Thời gian thanh toán: ngay sau khi bên A giao hàng cho bên B

Sau khi bên B thanh toán hết số tiền theo như hợp đồng thì 2 bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

Điều 5: Yêu cầu cam kết chung

Hai bên cùng nhau cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận như trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề phát sinh thì hai bên cùng nhau giải quyết. Nếu bên nào vi phạm những điều khoản và quy định trên thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được thành lập thành 03 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau:

Đại diện bên A

(kí tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

(kí tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu phòng kế toán công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

Biểu số 2.2: Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số 114/TLHD

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 224/HĐKT 2014 ngày 09 tháng 03 năm 2014 được kí kết giữa công ty TNHH Thương Mại Sao Mai và Công ty TNHH Hoàng Anh.

Căn cứ biên bản nghiệm thu ngày 26 tháng 03 năm 2014 .

Hôm nay ngày 26 tháng 03 năm 2014 tại Quán Khái - Vĩnh Phong - Vĩnh Bảo – Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

- Đại diện: Ông Nguyễn Văn Trình

- Chức vụ : Giám đốc công ty

- Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng

Bên B: Ông Phạm Hùng Chiến – Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Anh

- Địa chỉ: Quán Khái - Vĩnh Phong - Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế số 224/HĐKT 2014 về việc bên A cung cấp quần áo đồng phục cho bên B, bên B thanh toán tiền như đã kí kết hợp đồng cho bên A cụ thể:

+ Tổng giá trị: 85.080.000 đồng

+ Thuế VAT 10 %: 8.508.000 đồng

Hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng đã ký ngày 09/03/2014 . Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi hai bên kí biên bản thanh lý hợp đồng.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như sau, mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện bên A

Chức vụ

(ký tên đóng dấu)

Đại diện bên B

Chức vụ

(ký tên đóng dấu)

(Nguồn tài liệu phòng kế toán công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3:

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số: 02 – VT

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

- Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO Số: 020

Ngày 26 tháng 03 năm 2014 Nợ:632

Có:156

- Họ và tên người nhận hàng: **Nguyễn Thị Thu Quỳnh**
- Địa chỉ : Công ty TNHH Hoàng Anh
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng
- Xuất tại : Kho của công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	A
1	Quần vải		Cái	300	300	134.550	40.365.000
2	Áo Sơ mi trắng		Cái	315	315	100.429	30.128.700
	Cộng			615	615		70.493.700

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Bảy mươi triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm đồng chẵn.*

- Số chứng từ gốc kèm theo: 02

Ngày 26 tháng 03 năm 2014

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*
(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT số 0004657

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**Mẫu số:
01GTKT2/001
Kí hiệu: AA/14P
Số 0004657**

Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 26 tháng 03 năm 2014

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI**

Mã số thuế: 0200643135

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh – TT Vĩnh Bảo – Huyện Vĩnh Bảo - HP

Số tài khoản: 321.1000.047917.7

Điện thoại: 0313951986

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Anh

Địa chỉ: Quán Khái - Vĩnh Phong - Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Quần áo đồng phục	Cái			85.080.000
Cộng tiền hàng:					85.080.000
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT: 8.508.000		
Tổng cộng tiền thanh toán:					93.588.000
Số tiền viết bằng chữ: (Chín mươi ba triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng chẵn)					

Ngày 26 tháng 03 năm 2014

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5:

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Mẫu số 02 –TT

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo, (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 26 tháng 03 năm 2014

Quyển số: 11

Số : PT 22/03

Nợ : 111

Có: 511

Có: 3331

Họ, tên người nộp tiền: **Ngô Thị Trang**.....
Địa chỉ: Công ty TNHH Hoàng Anh.....
Lý do nộp tiền: Trả tiền mua hàng.....
Số tiền: **93.588.000** (Viết bằng chữ): **Chín mươi ba triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng chẵn**.....
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.....

Ngày 26 tháng 03 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Chín mươi ba triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng chẵn**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:..... VNĐ.....

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI

Khu dân cư Bình Minh – TT Vĩnh Bảo – Huyện Vĩnh Bảo – TP Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Thu tiền mặt

Số hiệu: TH01/03

Tháng 03 năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 111 ghi có các TK					Công nợ TK 111
SH	NT		112	511	3331	131	141	
...
PT20/03	22/03	Khách hàng tạm ứng				19.870.000		19.870.000
PT21/03	23/03	Rút TGNH về nhập quỹ	134.000.000					134.000.000
PT22/03	25/03	Thu tiền của khách hàng		85.080.000	8.508.000			93.588.000
PT23/03	26/03	Thu tiền thừa tạm ứng					3.100.000	3.100.000
...
		Cộng	250.550.000	667.086.000	59.008.000	66.706.344	6.940.000	1.668.156.925

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo
- Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

Mẫu số S02a – DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 01/03

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền mặt T03/2014	111			
Rút TNGH về nhập quỹ		112	250.550.000	
Khách hàng tạm ứng		131	66.706.344	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		511	667.086.000	
Thuế GTGT phải nộp		3331	59.008.000	
Tạm ứng		141	6.940.000	
...	
Cộng	X	X	1.668.156.925	

Kèm theo...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

* Nghiệp vụ làm giảm tiền mặt tại quỹ

Các nguồn chi chủ yếu của công ty bao gồm:

- + Chi tạm ứng
- + Chi mua vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ
- + Chi thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên
- + Chi nộp ngân sách Nhà nước
- + Các khoản chi khác...

Ví dụ: Ngày 16/03/2014 mua máy in cho phòng kế toán, số tiền 4.400.000 đồng (đã bao gồm +VAT 10%), thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0004603(Biểu số 2.8), kế toán viết phiếu chi số 18/03 (Biểu số 2.9), kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (Biểu số 2.10) và sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.11).

Cuối tháng căn cứ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ(Biểu số 2.12). Sau đó, từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ(Biểu số 2.13).

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để phản ánh vào Sổ Cái tài khoản 111(Biểu số 2.13) và các tài khoản khác có liên quan. Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8: Hóa đơn GTGT số 0004603

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**Mẫu số:
01GTKT2/001
Kí hiệu: AA/14P
Số 0004603**

Liên 2: giao cho người mua
Ngày 16 tháng 03 năm 2014

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH VIÊN SAMNEC1

Mã số thuế: 0200803999

Địa chỉ: Số 4 Hồ Sen, phường Trại Cau, quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Số tài khoản: 321.1000.047917.7

Điện thoại: 031.3611328

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thảo Vy.

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy in	cái	1	4.000.000	4.000.000
Cộng tiền hàng:					4.000.000
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 400.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.400.000
Số tiền viết bằng chữ: (Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn)					

Ngày 16 tháng 03 năm 2014

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9:

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số 02 -TT

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo, (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BT
Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 03 năm 2014

Quyển số: 01

Số : PC18/03

Nợ : 642, 133

Có : 111

Họ, tên người nhận tiền: **Nguyễn Thị Thảo Vy**

Địa chỉ: Phòng Kế Toán

Lý do chi: Mua máy in

Số tiền: **4.400.000** (Viết bằng chữ): *Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo hóa đơn GTGT số 4603 chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....VNĐ.....

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI

Khu dân cư Bình Minh – TT Vĩnh Bảo – Huyện Vĩnh Bảo – TP Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Chi tiền mặt

Số hiệu: TH02/03

Tháng 03 năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111 ghi có các TK					Công có TK 111
SH	NT		112	154	133	141	642	
...	
PC15/03	14/03	Chi tạm ứng				3.600.000		3.600.000
PC16/03	15/03	Xuất quỹ gửi ngân hàng	124.000.000					124.000.000
PC17/03	15/03	Chi mua vật tư		5.680.000	568.000			6.248.000
PC18/03	16/03	Chi mua máy in			400.000		4.000.000	4.400.000
...
		Cộng	750.980.000	315.860.000	29.008.000	16.706.344	36.940.000	1.338.145.000

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11:

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số S07 – DN

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh

Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC

Bảo - Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: Việt Nam Đồng

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	C	D	E	1	2	3	G
			<u>SDDK</u>			<u>645.500.000</u>	
...	
15/03		PC16/03	Xuất quỹ gửi ngân hàng		124.000.000	481.550.900	
15/03	PT18/03		Thu tiền thừa tạm ứng	2.700.000		484.250.900	
15/03		PC17/0	Chi mua vật tư		6.248.000	478.002.900	
16/03		PC18/03	Chi mua máy in		4.400.000	482.402.900	
			
26/03	PT22/03		Thu tiền của khách hàng	93.588.000		603.440.380	
			
			Cộng phát sinh	12.575.450.800	12.525.772.515		
			<u>SDCK</u>			<u>695.178.285</u>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Giám đốc

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

(ký tên, đóng dấu)

(ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12:

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số S02a – DN

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC

- Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 02/03

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền mặt T03/2014		111		
Tiền gửi ngân hàng	112		750.980.000	
Chi tạm ứng	141		16.706.344	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154		315.860.000	
Thuế GTGT phải nộp	133		29.008.000	
Chi phí quản lí doanh nghiệp	642		36.940.000	
...	
Cộng	X	X	1.338.145.000	

Kèm theo...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13:

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

- Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng		
...	
01/03	31/03/2014	1.668.156.925	
02/03	31/03/2014	1.338.145.000	
03/03	31/03/2014	19.079.458.000	
04/03	31/03/2014	11.884.467.035	
...	
07/03	31/03/2014	1.235.768.100	
....	
15/03	31/03/2014	928.400.000	
16/03	31/03/2014	1.110.500.000	
17/03	31/03/2014	2.410.320.540	
....	
Cộng		1.879.335.897.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo
- Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

TÀI KHOẢN: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư ĐK</u>		<u>645.500.000</u>	

31/03	01/03	31/03	Thu tiền mặt T03/2014	111	1.910.856.100	
			Tiền gửi ngân hàng	112	250.550.000	
			Doanh thu bán hàng	511	667.086.000	...
			Thuế GTGT phải nộp	3331	59.008.000	
			Phải thu khách hàng	131	66.706.344	
			Tạm ứng	141	6.940.000	
...
31/03	02/03	31/03	Chi tiền mặt T04/2014	111		1.890.695.780
			Tiền gửi ngân hàng	112		150.900.000
			Chi phí SXKD dở dang	154		560.977.634
			Thuế GTGT phải nộp	133		39.657.988
			Chi phí QLDN	642		36.790.000
...
			<u>Công PS</u>		12.575.450.800	12.525.772.515
			<u>Dư CK</u>		695.178.285	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng của công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Theo quy định, tất cả các khoản tiền nhàn rỗi của công ty đều phải gửi ngân hàng, Kho bạc Nhà nước hay các công ty tài chính. Khi cần chi tiêu, doanh nghiệp làm thủ tục rút tiền hay chuyển tiền. Việc hạch toán tiền gửi ngân hàng phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi ngân hàng. Tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai, kế toán tiền gửi ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Các nghiệp vụ tiền gửi ngân hàng của công ty đều căn cứ vào các chứng từ như uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo nợ, giấy báo có, sổ hạch toán chi tiết của ngân hàng... Khi nhận được giấy báo của ngân hàng, kế toán tiền gửi ngân hàng phải kiểm tra, đối chiếu các chứng từ gốc kèm theo, nếu có sự chênh lệch giữa chứng từ của ngân hàng với số liệu kế toán của công ty thì kế toán phải báo lại cho ngân hàng để cùng kiểm tra, đối chiếu, xử lý. Hiện nay công ty đang thực hiện giao dịch với các ngân hàng như:

Ngân hàng Techcombank

Ngân hàng Vietcombank

Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam.....

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

Tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai để hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng thì căn cứ vào các chứng từ sau đây:

+ Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu

+ Giấy báo có, giấy báo nợ, giấy nộp tiền, Séc chuyển khoản...

2.2.2.2. Tài khoản, sổ sách sử dụng

**Tài khoản kế toán sử dụng*

Kế toán sử dụng TK: 112 “Tiền gửi ngân hàng” Tài khoản này dùng để phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi bằng đồng Việt Nam tại ngân hàng. Hiện nay, Công ty đang giao dịch với một số Ngân hàng có chi nhánh tại Hải Phòng nên TK 112 không có tài khoản cấp 2.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số TK có liên quan như TK 141, TK 642, TK131...

**Sổ sách kế toán sử dụng*

- Để hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng kế toán sử dụng các loại sổ sách như:

+ Sổ tiền gửi ngân hàng

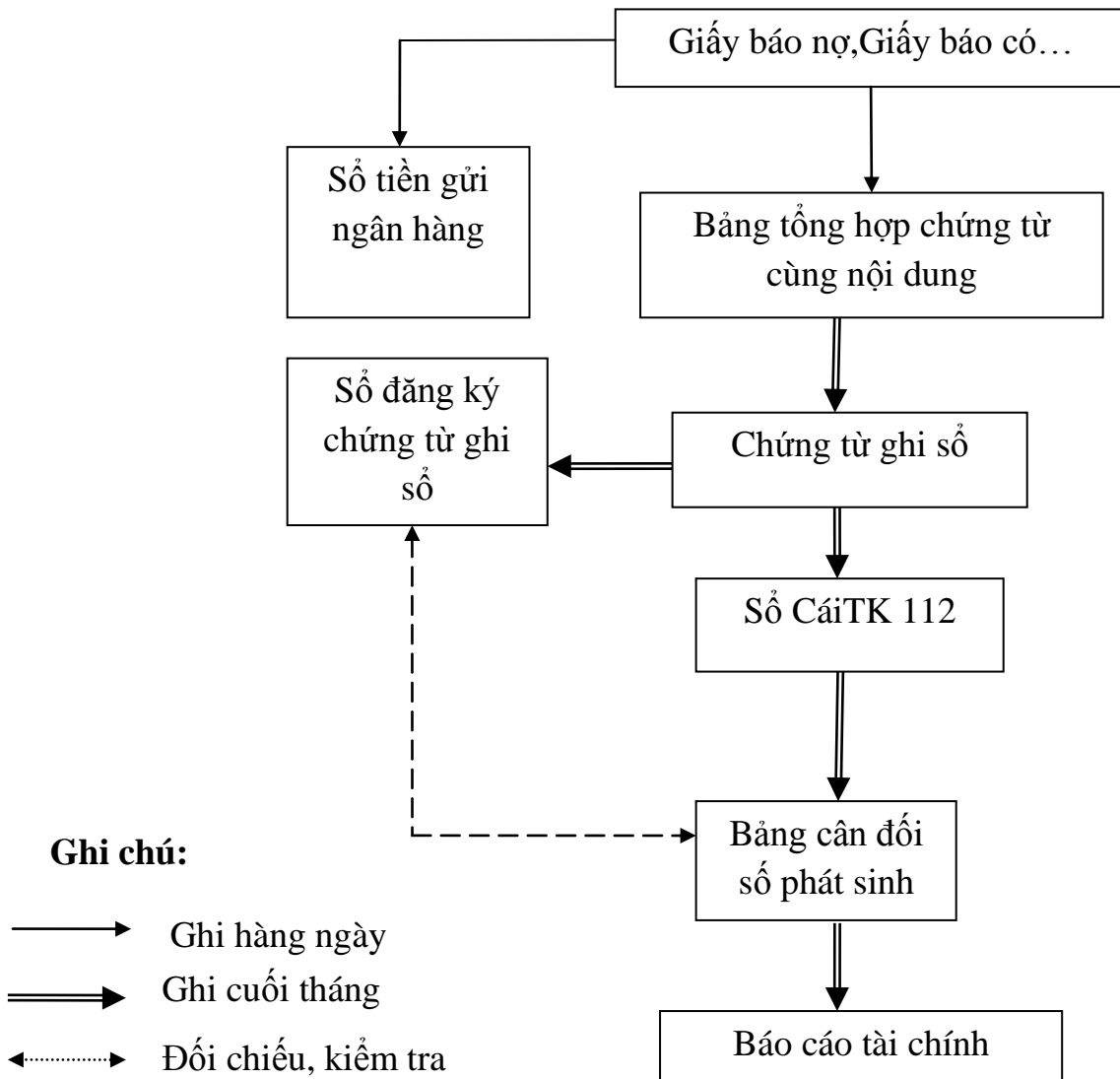
+ Chứng từ ghi sổ

- + Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- + Sổ Cái tài khoản 112

2.2.2.3. Quy trình hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng của công ty

Quy trình hạch toán vốn bằng tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai được mô tả qua sơ đồ như sau:

Sơ đồ 2.2.Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty



(a) Hàng ngày, căn cứ vào các Giấy báo nợ, Giấy báo có...hợp lệ, kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung và ghi sổ tiền gửi ngân hàng.

(b) Cuối tháng căn cứ và Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung để lập Chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ Đăng kí Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái TK 112 và các tài khoản khác có liên quan.Căn cứ vào Sổ Cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh

(c) Cuối kì, kế toán căn cứ vào Bảng Cân đối số phát sinh và Sổ Cái các tài khoản tổng hợp để lập Báo Cáo tài chính.

Trong tháng 03 năm 2014, tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai có rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới tiền gửi ngân hàng.

2.2.2.4. Hạch toán chi tiết một số nghiệp vụ

** Nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng*

- Ngày 24/03/2014 xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng Techcombank, khi nhận được lệnh xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng kế toán tiến hành viết phiếu chi số 56/05(Biểu số 2.15). Phiếu chi 56 được lập thành 2 liên, ghi đầy đủ nội dung có đủ chữ kí của người nhận tiền, người lập biểu, sau đó chuyển cho giám đốc hoặc phó giám đốc kí duyệt. Một liên lưu tại nơi lập, một liên chuyển cho thủ quỹ để chi tiền cho người nhận tiền, khi xuất quỹ thủ quỹ đóng dấu đã chi và kí tên vào phiếu chi, thủ quỹ giữ để ghi sổ quỹ, cuối ngày chuyển cho kế toán ghi sổ.

Sau khi nhận tiền, người nộp tiền (đại diện cho công ty TNHH Thương Mại Sao Mai) sẽ đem đến ngân hàng Techcombank Hải Phòng nộp tiền vào tài khoản công ty. Tại ngân hàng Techcombank Hải Phòng, người nộp tiền sẽ nhận được Giấy nộp tiền (Biểu số 2.16), ghi nhận số tiền Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai đã nộp vào tài khoản. Đồng thời ngân hàng Techcombank cũng gửi giấy báo Có (Biểu số 2.17) kèm theo sổ kế toán chi tiết (Biểu 2.18) của ngân hàng đến Công ty. Kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai căn cứ trên giấy báo Có và Sổ kế toán chi tiết của ngân hàng làm căn cứ ghi sổ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Phiếu chi số 56

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Mẫu số 02 -TT

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo,
Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Quyển số: 01

Số : PC56/03

Nợ : 112

Có : 111

Họ, tên người nhận tiền: **Bùi Thảo Phương**.....

Địa chỉ: Phòng Kế Toán.....

Lý do chi: Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Techcombank chi nhánh Hải Phòng

Số tiền: **120.400.000** (Viết bằng chữ): *Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ngàn
đồng chẵn*.....

Kèm theo 01 chứng từ gốc.....

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ngàn
đồng chẵn.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....VNĐ.....

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Giấy nộp tiền

GIẤY NỘP TIỀN

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Mã số thuế: 0301179079-016

Người nộp: Bùi Thảo Phương

Mã số thuế: 0200643135

Địa chỉ: TT Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

Người nhận: Ngân hàng Techcombank chi nhánh Hải Phòng

Tài khoản, CMND: 160314851006403

NỢ:

CÓ:

NỘI DUNG NỘP (Ghi chi tiết từng khoản)

Nộp tiền vào tài khoản.....

Phí ngân hàng :

Thuế GTGT (10%):

Cộng :

Tổng số tiền bằng chữ : Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn.

Số tiền

120.400.000

.....

.....

120.400.000

NGƯỜI NỘP TIỀN

(Ký, họ tên)

THỦ QUỸ

(Ký, họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Phiếu báo có số 165

NGÂN HÀNG TMCP KỸ
THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HPG-TCB HP
MST: 0100230800-004



Theo công văn
số 21208/CT/AC
Số: 165

PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Tên khách hàng: Công Ty TNHH Thương Mại Sao Mai
Số tài khoản: 140.22189382.01.0
Loại tiền: VNĐ
Địa chỉ: TT Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng
Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán
Mã số thuế: 0200643135
Số bút toán hạch toán:
Số ID khách hàng: 22189382
FT16425000066389

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách theo chi tiết như sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển tiền vào tài khoản	120.400.000
Tổng số tiền	120.400.000

Số tiền bằng chữ: **Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn.**

Lập phiếu

(ký, họ tên)

Kiểm soát

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI

Khu dân cư Bình Minh – TT Vĩnh Bảo – Huyện Vĩnh Bảo – TP Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Thu tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: TH03/03

Tháng 03 năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112 ghi có các TK					Công nợ TK 112
SH	NT		111	131	511	3331	...	
...
PBC45/03	08/03	Khách hàng ứng trước		135.690.000				135.690.000
PBC46/03	09/03	Thu tiền hàng CT Cường Phương			229.572.500	22.957.250		252.529.750
...
PBC65/03	23/03	Thu tiền CT SX & TM Trung Dũng		94.027.000				94.027.000
PBC66/03	24/03	Chuyển tiền vào tài khoản	120.400.000					120.400.000
...
PBC96/03	31/03	CT SX & KD, TM Đại Lục trả nợ		65.080.962				65.080.962
		Cộng	750.980.000	9.090.800.364	7.056.474.867	362.407.821		19.079.458.000

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19 (Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số S02a – DN

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-B

- Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 03/03

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền gửi ngân hàng T03/2014	112			
Nộp tiền vào tài khoản		111	750.980.000	
Phải thu khách hàng		131	9.090.800.364	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		511	7.056.474.867	
Thuế GTGT phải nộp		3331	362.407.821	
...	
Cộng	X	X	19.079.458.000	

Kèm theo...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

** Nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng:*

- Ngày 17/03/2014 Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai mua 2 điều hòa Panasonic 2 chiều của Công ty cổ phần thành viên SAMNEC với tổng trị giá 44.528.000 đồng.

Căn cứ Hóa đơn GTGT số 00311386 (Biểu số 2.20), kế toán viết phiếu ủy nhiệm chi số 61(Biểu số 2.21) gửi tới ngân hàng.

Sau khi ngân hàng nhận được phiếu ủy nhiệm chi thì tiến hành thanh toán cho Công ty cổ phần thành viên Samnec1 và đồng thời gửi phiếu báo nợ số 65(Biểu số 2.22) cho Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 00311386 và phiếu báo nợ số 61, kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (Biểu số 2.23) và Sổ tiền gửi ngân hàng (Biểu số 2.26).

Cuối tháng từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.24). Sau đó, từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng kí Chứng từ ghi sổ(Biểu số 2.25).

Cuối kì, kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để phản ánh vào Sổ cái tài khoản 112 (Biểu số 2.27) và các tài khoản khác có liên quan.Từ sổ cái, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20: Hóa đơn GTGT số 00311386

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số:
01GTKT2/001
Kí hiệu: AA/14P
Số **00311386**

Liên 2: giao cho người mua

Ngày 17 tháng 03 năm 2014

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH VIÊN SAMNEC1

Mã số thuế: 0200803999

Địa chỉ: Số 4 Hồ Sen, phường Trại Cau, quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Số tài khoản: 321.1000.047917.7

Điện thoại: 031.3611328

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thảo Vy.

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điều hòa Panasonic 2 chiều	cái	2	22.264.000	44.528.000
Cộng tiền hàng:					44.528.000
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 4.452.800
Tổng cộng tiền thanh toán:					48.980.800
Số tiền viết bằng chữ: (Bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn tám trăm đồng)					

Ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

Biểu số 2.21: Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI

Ngày 17 tháng 03 năm 2014

Đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Số TK: 10920014162011

Tại ngân hàng: Techcombank

Chi nhánh: Hải Phòng

Người nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH VIÊN SAMNEC1

Số TK: 1021100122032197

Tại ngân hàng: Techcombank Số tiền: **48.980.800**

Chi nhánh: Hải Phòng

Số tiền bằng chữ: ***Bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn tám trăm đồng***

Nội dung: Trả tiền mua điều hòa Panasonic

Đơn vị trả

Ngân hàng chuyển

Ngân hàng nhận

(đã kí)

(đã kí)

(đã kí)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.22: Phiếu báo nợ số 165

NGÂN HÀNG TMCP KỸ

TECHCOMBANK

Theo công văn

THƯƠNG VIỆT NAM



số 21208/CT/AC

Chi nhánh: HPG-TCB HP

Số: 65

MST: 0100230800-004

PHIẾU BÁO NỢ

Ngày 17 tháng 03 năm 2014

Tên khách hàng: Công Ty TNHH **Số tài khoản:** 140.22189382.01.0

Thương Mại Sao Mai

Loại tiền: VNĐ

Địa chỉ: TT Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo, **Loại tài khoản:** Tiền gửi thanh

Thành phố Hải Phòng

toán

Mã số thuế: 0200643135

Số bút toán hạch toán:

Số ID khách hàng: 22189382

FT16425000066389

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách theo chi tiết như sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển tiền thanh toán cho công ty cổ phần thành viên Samnec	48.980.800
Tổng số tiền	48.980.800

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi ngàn tám trăm đồng

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.23: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI

Khu dân cư Bình Minh – TT Vĩnh Bảo – Huyện Vĩnh Bảo – TP Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Chi tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: TH04/03

Tháng 03 năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112 ghi có các TK				Công có TK 112
SH	NT		133	331	642	...	
...
PBN61/03	17/03	Trả tiền mua điều hòa Panasonic	4.452.800		44.528.000		48.980.800
PBN62/03	18/03	Trả nợ CT dệt Nhân Mỹ		54.500.874			54.500.874
...
PBN66/03	21/03	Trả tiền mua đồ dung văn phòng		658.783	6.587.830		7.246.613
...
		Cộng	575.441.204	6.134.727.975	68.041.156	...	11.884.467.035

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.24 (Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số S02a – DN

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo (Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
- Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 04/03

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền gửi ngân hàng T03/2014	112			
...	
Thuế GTGT được khấu trừ		133	575.441.204	
Phải trả người bán		331	6.134.727.975	
Chi phí quản lí kinh doanh		642	68.041.156	
...	
Cộng	X	X	11.884.467.035	

Kèm theo...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.25:

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
- Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng		
...	
01/03	31/03/2014	1.668.156.925	
02/03	31/03/2014	1.338.145.000	
03/03	31/03/2014	19.079.458.000	
04/03	31/03/2014	11.884.467.035	
...	
07/03	31/03/2014	1.235.768.100	
....	
15/03	31/03/2014	928.400.000	
16/03	31/03/2014	1.110.500.000	
17/03	31/03/2014	2.410.320.540	
....	
Cộng		1.879.335.897.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.26:

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số S06 – DN

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh

Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC

Bảo - Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2014

Nơi mở tài khoản: Ngân hàng Techcombank

Số hiệu tài khoản: 1121- Techcombank

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
	SH	NT		Thu	Chi	Tồn	
A	C	D	E	1	2	3	G
			<u>SDDK</u>			<u>1.875.964.800</u>	
...	
08/03	PBC45/03	08/03	Khách hàng ứng trước	135.690.000		1.694.625.900	
08/03	PBN59/03	08/03	Trả tiền mua điều hòa Panasonic		48.980.800	1.645.645.100	
09/03	PBC60/03	09/03	Trả nợ CT dệt Nhân Mỹ		54.500.874	1.591.144.226	
09/03	PBC46/03	09/03	Thu tiền hàng CT Cường Phương	252.529.750		1.843.673.976	
			
21/03	PBN66/03	21/03	Trả tiền mua đồ dung văn phòng		7.246.613	1.954.668.937	
23/03	PBC65/03	23/03	Thu tiền CT SX & TM Trung Dũng	94.027.000		2.048.695.937	
24/03	PBC66/03	24/03	Chuyển tiền vào tài khoản	120.400.000		2.169.095.937	
...
			Cộng phát sinh	18.534.800.120	11.239.602.222		
			<u>SDCK</u>			<u>9.171.162.698</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

(ký tên, đóng dấu)

(ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.27

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ: Khu dân cư Bình Minh - TT Vĩnh Bảo - Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐBTC)

Bảo - Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

TÀI KHOẢN: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư ĐK</u>		3.673.934.600	

31/03	01/03	31/03	Thu TGNH T03/2014	112	19.079.458.000	
			Phải thu khách hàng	131	9.090.800.364	...
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	7.056.474.867	
			Thuế GTGT phải nộp	3331	362.407.821	
...
31/03	02/03	31/03	Chi TGNH T03/2014	112		11.884.467.035
			Thuế GTGT phải nộp	133	575.441.204	150.900.000
			Phải trả người bán	331	6.134.727.975	560.977.634
			Chi phí QLKD	642	68.041.156	39.657.988
...
			<u>Công PS</u>		19.079.458.000	11.884.467.035
			<u>Dư CK</u>		10.868.925.565	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Ngày nay, để tồn tại và phát triển của tất cả các công ty và doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường là cực kỳ khó khăn, nó không chỉ bắt buộc Ban Giám Đốc và các nhân viên trong công ty phải liên kết tạo ra những hướng đi mới mà còn phải tìm kiếm mô hình hoạt động mới để giảm chi phí và tăng lợi nhuận. Đây cũng là những khó khăn mà Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai gặp phải.

Lúc đầu do mới thành lập, thiếu kinh nghiệm trong tổ chức quản lí, tay nghề công nhân công ty kinh doanh hiệu quả không cao do không cạnh tranh được với các thương hiệu đã có từ lâu nên tình hình tài chính khó khăn, nhưng với nỗ lực đổi mới công nghệ, phương thức kinh doanh, nâng cao tay nghề cho công nhân, đào tạo cán bộ, tổ chức lại bộ máy quản lí... tình hình kinh tế tại công ty dần được phục hồi và thu được nhiều thành quả đáng kể, quy mô ngày càng mở rộng hơn. Để đạt được những thành tựu đó phải kể đến sự đóng góp một phần công sức lớn của bộ phận kế toán trong công ty.

Bộ phận kế toán với chức năng với chức năng thực hiện các công tác kế toán tài chính đã không ngừng biến đổi cả về cơ cấu lẫn phương pháp làm việc nhằm từng bước hoàn thiện để cung cấp thông tin tài chính, kế toán chính xác cho các cấp lãnh đạo trong công ty phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động và ra các quyết định kinh doanh của công ty.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán tại công ty, em thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm

*** Về công tác quản lý**

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học, và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp. Đồng

thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả.

* Về công tác kế toán

Bộ máy kế toán tại doanh nghiệp gọn nhẹ, mỗi nhân viên trong phòng kế toán lại đảm nhận nhiều việc. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Điều đó cho thấy khả năng và trình độ vững vàng của đội ngũ nhân viên kế toán từ đó giúp công ty giảm thiểu được những gian lận và sai sót.

Hiện nay, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ do Bộ Tài Chính ban hành. Hình thức này rất phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty do công ty có một số nghiệp vụ kinh tế cùng loại cùng nội dung, nên phải tập hợp chứng từ vào bảng kê chứng từ cùng nội dung rồi lấy số cộng để ghi vào chứng từ ghi sổ, sau đó lấy số cộng các chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ cái tài khoản. Chính vì thế công việc kế toán giảm được rất nhiều thời gian được rất nhiều thời gian trong việc ghi chép và sổ cái, và nhìn sổ cái không bị rối.

* Về hệ thống tài khoản sử dụng

Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại công ty là hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính cũng như tài khoản sử dụng cho việc hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phù hợp với hệ thống tài khoản được quy định hiện hành.

* Về công tác kế toán vốn bằng tiền

Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

- Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền luôn được cập nhập chính xác đầy đủ và kịp thời vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại và Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi của Ngân Hàng đúng theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

- Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của Vốn bằng tiền được tuân thủ theo Quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và chi tiết cho từng loại tiền.

- Quỹ tiền mặt được kiểm tra định kì giúp phát hiện sai sót và hạn chế gian lận, biến thủ công quỹ. Hơn nữa, Thủ quỹ là người một có tư chất tốt, có năng lực chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không trực tiếp là nhân viên kế toán.

- Các nghiệp vụ nhập, xuất tiền mặt đều có những chứng từ gốc hợp lệ được kế toán trưởng soát xét và giám đốc công ty phê duyệt bao gồm đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, người nhận tiền.....Sự chi tiết đó giúp cho ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu chi tiết và cụ thể của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định hợp lí và chính xác.

- Đối với tiền gửi ngân hàng, kế toán đã liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với ngân hàng, công ty cũng mở sổ chi tiết tình hình biến động về tiền gửi ngân hàng giúp cho việc kiểm tra, đối chiếu và quản lí thuận tiện, dễ dàng hơn.

3.1.2. Nhược điểm

Công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai là tương đối tốt và chặt chẽ, tuy nhiên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như sau:

1. Chưa phát huy được hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán: tuy công ty đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng chỉ thực hiện trên các chương trình thông thường như: Excel, Word mà chưa có một phần mềm riêng biệt nào. Vì thế chưa tiết kiệm được tốt lao động của nhân viên kế toán, thời gian lập, ghi chép và tổng hợp số liệu, chuyển sổ.
2. Công ty không sử dụng tài khoản 113 – Tiền đang chuyển. Đây là một hạn chế cần khắc phục của công ty do trên thực tế có rất nhiều trường hợp thủ tục mua bán thanh toán đã hoàn tất nhưng công ty vẫn chưa nhận được tiền và giấy báo có của ngân hàng. Điều này có ảnh hưởng lớn đến tính hình tài chính của công ty nhất là vào cuối kì kế toán năm bởi không phản ánh đúng tình hình tài chính, công nợ phải thu cũng như tình hình công nợ phải trả.

3. Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai còn giữ tiền mặt tại quỹ nhiều việc giữ một lượng lớn tiền mặt tại quỹ như vậy có thể sử dụng để cân đối các khoản phát sinh đột xuất tuy nhiên về lâu về dài sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro dẫn đến chi sai nguyên tắc làm thâm hụt công quỹ dùng tiền công để kiếm lợi bất hợp pháp.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng sự cạnh tranh gay gắt, doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định được phương hướng, mục tiêu rõ ràng từ đó có bước phát triển mới. Để làm được như vậy, trước hết công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như nhà quản lý, cơ quan thuế, ngân hàng,.... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy, điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong các báo cáo kế toán tài chính phải rõ ràng và có độ tin cậy cao.

Vốn bằng tiền tại công ty nói riêng và tại các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ trọng lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những điểm yếu còn tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai.

Với doanh nghiệp, yếu tố thông tin và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán từ đó đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đề ra.

Để hoàn thiện hơn trong công tác kế toán vốn bằng tiền thì hoàn thiện vốn bằng tiền phải đảm bảo yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tổ chức sản xuất của doanh nghiệp mình sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định cũng như các chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhưng cũng không phải dập khuôn máy móc theo đúng chế độ mà phải vận dụng sáng tạo.

- Hoàn thiện phải hướng đến vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào quá trình hạch toán sao cho đơn giản, dễ hiểu mà lại phản ánh chính xác, đầy đủ tình hình tài chính của công ty.

- Hoàn thiện phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng yêu cầu của nhà quản lý.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai

Sau quá trình thực tập, tìm hiểu và đi sâu vào vào nghiên cứu công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai em thấy bộ máy kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty là tương đối hoàn chỉnh và khoa học. Tuy nhiên để giúp cho bộ máy kế toán trong công ty được hoàn thiện hơn em xin có một số ý kiến đóng góp của mình như sau:

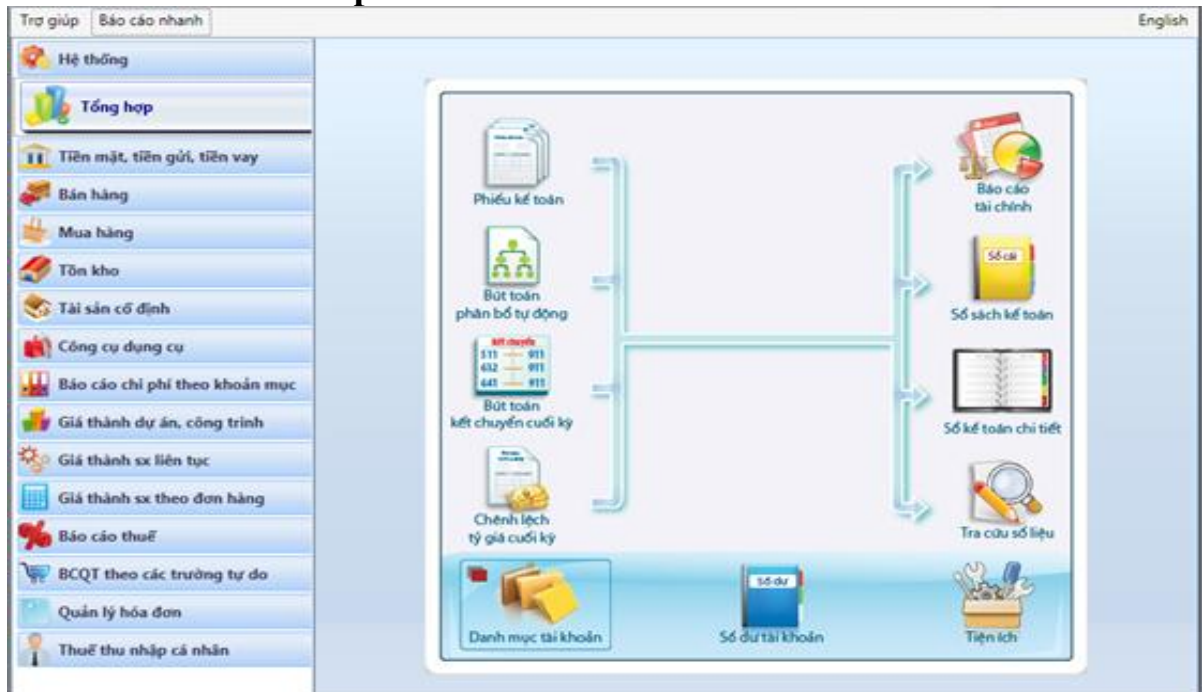
*** Ý kiến thứ nhất:** Hoàn thiện việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán.

Công ty nên trang bị cho phòng kế toán một phần mềm kế toán thống nhất như phần mềm MISA, FAST ACCOUNTING...nhằm tự động hóa ở mức độ cao nhất công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền. Công ty cũng nên mở rộng mạng thông tin nội bộ để kế toán có thể nắm bắt trao đổi và kiểm tra thông tin khi cần thiết, đồng thời phải tổ chức đào tạo để nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán về chương trình kế toán nhằm quản lý chính xác được các con số.

Màn hình phần mềm kế toán MISA



Màn hình phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING



*** Ý kiến thứ hai:** Hạn chế việc thanh toán bằng tiền mặt, đẩy mạnh hình thức thanh toán qua ngân hàng

Nhà Nước đang khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh việc thanh toán không sử dụng tiền mặt mà thông qua hình thức chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, chuyển khoản qua máy ATM, thanh toán bằng thẻ tín dụng qua các máy quét thẻ POS tại các cơ sở cung ứng dịch vụ..., điều này không những giúp được Nhà Nước kiểm soát được dòng tiền của các doanh nghiệp mà còn giúp cho việc thanh toán của công ty trở nên nhanh chóng, thuận tiện. Vì thế, công ty nên có những chính sách hợp lý trong việc thanh toán các khoản tiền. Như vậy sẽ rất tiết kiệm được thời gian, chi phí, an toàn đối với quỹ tiền mặt và hạn chế được tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán.

*** Ý kiến thứ 3:** Hoàn thiện tài khoản trong hạch toán kế toán vốn bằng tiền

Công ty nên đưa tài khoản 113 – Tiền đang chuyển vào công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền . Bởi vì, đây là số tiền của doanh nghiệp đang trong quá trình xử lý như chuyển tiền vào tài khoản ở ngân hàng hay khách hàng chuyển trả thanh toán qua bưu điện, ngân hàng, nhưng doanh nghiệp chưa nhận được giấy báo Có hoặc doanh nghiệp đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng để trả cho doanh nghiệp, đơn vị khác mà chưa nhận được giấy báo nợ hay bản kê sao từ ngân hàng.

Hiện nay, công ty không sử dụng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi mới hạch toán do tiền chuyển qua ngân hàng chỉ cần chờ một vài ngày là có giấy báo nhưng điều này có sự ảnh hưởng lớn nếu rơi vào kì kế toán cuối quý hoặc cuối năm. Như trường hợp cuối kỳ có phát sinh tiền khách hàng đang chuyển trả nợ nhưng chưa tới sẽ nhận được giấy báo vào ngày đầu tháng sau. Nếu như nghiệp vụ này không sử dụng tài khoản 113 thì số dư công nợ trên Báo cáo tài chính sẽ không chính xác và doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán. Vì vậy, để đảm bảo việc cập nhật tiền là đúng, chính xác và kịp thời việc đưa vào sử dụng tài khoản 113 là cần thiết và rất hợp lí.

*** Ý kiến thứ 4:** Hoàn thiện công tác kiểm kê quỹ

Công ty nên kiểm kê quỹ định kỳ 1 tháng 1 lần thay vì một quý 1 lần để có thể nắm bắt và quản lí tốt vốn tiền mặt. Có thể kiểm kê quỹ đột xuất khi cần thiết hoặc khi bàn giao quỹ. Khi tiến hành kiểm kê phải lập bảng kiểm kê, bảng kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời gian kiểm kê. Phải ghi sổ tất cả các

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

phiếu thu, phiếu chi và số còn tồn tính đến thời điểm kiểm kê trước khi kiểm kê quỹ. Điền này sẽ giúp Ban lãnh đạo nắm bắt được chính xác số tiền còn tồn quỹ từ đó đưa ra được những biện pháp kinh doanh hợp lý.

Công ty nên sử dụng bảng kiểm kê quỹ theo chế độ kế toán hiện hành

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SAO MAI

TT Vĩnh Bảo – Huyện Vĩnh Bảo – TP Hải Phòng

Mẫu số: 08a – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào 9 giờ 00 ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà: Bùi Thùy Linh

Đại diện kế toán

Ông/Bà: Hoàng Thu Phương

Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà: Nguyễn Văn Trinh

Đại diện giám đốc

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:		695.178.285
II	Số kiểm kê thực tế		695.178.285
1	Trong đó:		
2	- Loại 500.000	586	293.000.000
3	- Loại 200.000	598	119.600.000
4	- Loại 100.000	903	90.300.000
5	- Loại 50.000	1698	84.900.000
...
III	Chênh lệch (III = I – II)		0

- Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: số tiền theo sổ quỹ đúng với số kiểm kê quỹ.

Kế toán trưởng

(Ký,họ tên)

Thủ quỹ

(Ký,họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký,họ tên)

Trên đây là một số phương pháp hoàn thiện thiện công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng mà em đã mạnh dạn nêu ra. Em mong rằng đây sẽ là những phương hướng đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp trong tương lai.

KẾT LUẬN

Vốn bằng tiền giữ một vị trí hết sức quan trọng trong doanh nghiệp, là cơ sở, tiền đề cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, đồng thời cũng đóng vai trò là mạch máu lưu thông toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua kế toán vốn bằng tiền chúng ta có thể phản ánh được tình hình tăng, giảm các loại vốn bằng tiền của doanh nghiệp. Qua đó giúp các nhà quản lý nắm bắt được tình hình, đưa ra những quyết định trong quản lý kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp của mình.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai, em đã nhận được sự nhiệt tình giúp đỡ và chỉ dạy của ban lãnh đạo công ty, đặc biệt là các cô bác trong phòng Kế toán tài chính đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở nhà trường, từ đó đổi chiều lý luận với thực tiễn.

Khóa luận: **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Sao Mai”** đã phân nào nêu ra được những biện pháp hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung.

Do trình độ hiểu biết của em có hạn, thời gian thực tập không nhiều lên không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế trong bài luận. Chính vì thế em rất mong nhận được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin cảm ơn chân thành ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể các cô bác trong phòng kế toán tài chính và đặc biệt là GV-THs Trần Thị Thanh Thảo đã tạo điều kiện giúp đỡ để em có thể hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2014

Sinh viên